

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng dự án Luật Quản lý thuế (thay thế)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị yêu cầu sửa đổi tổng thể Luật Quản lý thuế; Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 về Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV, Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030; Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, Bộ Tài chính nghiên cứu, rà soát Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 báo cáo Chính phủ về việc xem xét, đăng ký Luật Quản lý thuế (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội theo quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL).

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019 (thay thế cho Luật năm 2006 và các Luật sửa đổi, bổ sung), gồm 17 chương, 152 điều, với hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.

Qua quá trình triển khai thực hiện, Luật Quản lý thuế đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội của đất nước và đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành Luật. Tuy nhiên, trong tiến trình phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế những năm gần đây và do sự biến động nhanh của nền kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đã phát sinh một số điểm hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu để rà soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn, tháo gỡ vướng mắc và tạo thuận lợi hơn nữa cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Trên cơ sở ý kiến đánh giá của các cơ quan (cơ quan thuế, cơ quan hải quan), đơn vị và qua thực tiễn công tác quản lý thuế hơn 02 năm vừa qua, đồng thời, tham khảo kinh nghiệm và xu hướng cải cách quản lý thuế gần đây của các quốc gia trên thế giới, Bộ Tài chính đã xây dựng: Báo cáo nghiên cứu, rà soát Luật Quản lý thuế. Việc xây dựng Báo cáo đã bám sát các mục tiêu và nhiệm vụ được xác định tại Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng

Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị.

Theo quy định của Luật ban hành VBQPPL số 80/2015/QH13 và Luật số 63/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL, các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Quản lý thuế, thu thập kinh nghiệm quốc tế; chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Quản lý thuế; gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, lấy ý kiến rộng rãi tổ chức, cá nhân trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính và tổng hợp, giải trình ý kiến tham gia; xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và tổng hợp, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

Thực hiện quy định của Luật ban hành VBQPPL, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT QUẢN LÝ THUẾ (THAY THẾ)

I. Sự cần thiết ban hành Luật QLT (thay thế)

1. Cơ sở chính trị, pháp lý:

1.1 Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương đề ra *định hướng quan trọng về việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*. Thực hiện Nghị quyết 18-NQ-TW, TCT đã thiết kế và xây dựng tổ chức bộ máy mới theo hướng hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; với phương châm “*Lấy người nộp thuế là trung tâm phục vụ*”; và dựa trên ba trụ cột cơ bản: (1) *thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập*; (2) *nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới*; (3) *công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp*, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế và góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Theo đó, cần phải nghiên cứu sửa đổi Luật Quản lý thuế để đáp ứng mô hình tổ chức bộ máy mới.

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ (TTgCP) phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đặt ra mục tiêu cho giai đoạn 2022-2025: *Hoàn thành việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu thuế phục vụ xác thực thông tin về người nộp thuế trong giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực thuế, giúp 100% người nộp thuế không phải khai báo lại các thông tin thay đổi đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách để tạo điều kiện phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư*. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyên đổi số quốc gia đặt mục tiêu *đến năm 2025 phát triển kinh tế số chiếm 20% GDP và 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, yêu cầu xây dựng tài chính điện tử và triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong ngành*

thuế. Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 về Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đặt ra các mục tiêu quan trọng như phát triển nền tảng số và dữ liệu số, với kỳ vọng 80% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử và xây dựng nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia kết nối với cơ quan thuế.

Từ những yêu cầu cấp thiết trên, cần nghiên cứu sửa đổi Luật QLT để tạo hành lang pháp lý vững chắc cho quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực thuế, góp phần thúc đẩy hiện đại hóa nền hành chính quốc gia và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, góp phần thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số quốc gia.

- Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia, phòng chống tham nhũng tiêu cực đến năm 2030 và công ước liên hợp quốc chống tham nhũng giai đoạn 2023-2026 giao Bộ Tài chính chủ trì sửa đổi, bổ sung Luật quản lý thuế (Thời gian hoàn thành năm 2025)

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đặt ra những nhiệm vụ quan trọng liên quan đến công tác quản lý thuế trong bối cảnh phát triển thương mại điện tử và chuyển đổi số, cụ thể: (i) *Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 18 về chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ trên nền tảng thương mại điện tử.* (ii) *Tăng cường quản lý chặt chẽ trên môi trường thương mại điện tử, chống thất thu thuế.* (iii) *Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.* Những định hướng này tiếp tục khẳng định sự cần thiết phải hoàn thiện khung pháp lý về quản lý thuế để đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh mới, đặc biệt là đối với các hoạt động thương mại điện tử và kinh tế số đang phát triển nhanh chóng. Đây là nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai để tăng cường hiệu quả công tác quản lý thuế trong môi trường số, xây dựng công cụ quản lý hiệu quả để đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế từ các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số.

1.2 Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2025 đã quy định: *có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp” và “đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực (điểm 3.1 Điều 3).*

- Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp về cải cách hệ thống chính sách thuế như sau: *Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các*

địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước.... (khoản 2 Điều 4).

- Tại Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, và chủ động của ngân sách địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan: *yêu cầu sửa đổi tổng thể Luật Quản lý thuế nhằm sớm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn (điểm 4.1).*

- Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/04/2022 phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 với mục tiêu chủ đạo và xuyên suốt là *xây dựng ngành thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ; trọng tâm của công tác quản lý thuế dựa trên nền tảng thuế điện tử và 3 trụ cột cơ bản gồm (1) Thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; (2) Nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; (3) Công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số.*

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về việc xử lý các nội dung liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định: *Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành VBPQPL theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành VBPQPL theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027.*

2. Cơ sở thực tiễn:

Thứ nhất, kể từ khi Luật QLT được ban hành năm 2019, Quốc hội đã ban hành một số Nghị quyết, Luật liên quan có ảnh hưởng đến sự chưa đồng bộ pháp luật tại một số quy định của Luật quản lý thuế như:

- Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 quy định chi tiết và đầy đủ về hoạt động thanh tra chuyên ngành, trong khi các quy định về thanh tra thuế trong Luật Quản lý thuế được xây dựng căn cứ Luật Thanh tra 2010 (đã hết hiệu lực từ 1/7/2023). Do vậy, các quy định về thanh tra thuế trong Luật Quản lý thuế trở nên trùng lặp và không thống nhất. Đặc biệt, theo định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy mới của Chính phủ, cơ quan thuế sẽ không còn chức năng thanh tra mà chỉ thực hiện chức năng kiểm tra. Do đó, các quy định về thanh tra thuế từ Điều 107 đến Điều 123 (trừ Điều 109 đến 112) trong Luật Quản lý thuế không còn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

- Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về thuế thu nhập bổ sung chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu theo các quy định của OECD nhằm đảm bảo Việt Nam tuân thủ các quy định quốc tế về chống xói mòn cơ sở thuế. Do vậy, một số quy định về kê khai, nộp thuế tại Nghị quyết chưa được quy định tại Luật QLT hiện hành.

- Luật thuế giá trị gia tăng 48/2024/QH15 ngày 19/11/2024 đã bổ sung quy

định mở rộng đối tượng nộp thuế bao gồm cả nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử hoặc kinh doanh trên nền tảng số; điều chỉnh quy định về thuế suất và đối tượng không chịu thuế, bổ sung trường hợp hoàn thuế cho cơ sở kinh doanh sản xuất hàng hóa, dịch vụ chịu thuế 5% có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên do đó, cần rà soát nghiên cứu sửa đổi Luật QLT để bổ sung quy định về đăng ký, kê khai và nộp thuế, quyết toán thuế; quy trình, thủ tục, điều kiện hoàn thuế cho phù hợp, tạo thuận lợi cho người nộp thuế và nâng cao hiệu quả quản lý thuế trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương (sửa đổi) ngày 19/02/2025 (sửa đổi quy định về phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền địa phương, phối hợp giữa các cơ quan, quy trình thủ tục hành chính đòi hỏi Luật QLT phải được rà soát để sửa đổi quy định phù hợp với sự thay đổi trong phân cấp quản lý thuế giữa trung ương và địa phương đảm bảo rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn của từng cấp; sửa đổi quy định và trách nhiệm trong phối hợp, chia sẻ thông tin và hỗ trợ công tác giữa cơ quan thuế và các cơ quan địa phương trong quản lý thuế; điều chỉnh các quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến thuế.

- Luật ban hành VBPQPL (sửa đổi) ngày 19/02/2025 có sửa đổi quy định về phân cấp phân quyền do vậy, cần rà soát Luật QLT để sửa đổi quy định rõ thẩm quyền của các cơ quan trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý thuế.

Theo chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2025 và kế hoạch giai đoạn 2025-2027, một số luật thuế sửa đổi sẽ tiếp tục được trình Quốc hội xem xét thông qua như Luật Thuế TNDN, Luật Thuế TNCN, Luật thuế TTĐB, Luật thuế tài sản, Luật thuế Tài nguyên... Những định hướng sửa đổi bổ sung về các chính sách thuế này cũng đặt ra yêu cầu phải rà soát sửa đổi, bổ sung Luật QLT hiện hành để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- *Thứ hai*, thực tiễn thi hành pháp luật về quản lý thuế cho thấy một số quy định tại luật QLT hiện hành chưa phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn phát triển kinh tế- xã hội và quy định của Luật chuyên ngành như:

+ *Về quy định liên quan đến nghiệp vụ quản lý thuế:*

Quy định về nghiệp vụ quản lý thuế tại Luật QLT đã bộc lộ một số điểm nghẽn thể hiện qua ba nhóm vấn đề chính. Nhóm thứ nhất liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế chưa bao quát hết các tình huống thực tế, đặc biệt là các vướng mắc phát sinh từ Luật thuế xuất nhập khẩu, việc tạm ngừng kinh doanh, khôi phục mã số thuế và hợp đồng hợp tác kinh doanh. Nhóm thứ hai về quy trình nộp thuế và ấn định thuế bộc lộ bất cập về thời hạn nộp thuế, xử lý chậm nộp, ấn định thuế đối với người nước ngoài đề nghị miễn thuế thu nhập cá nhân. Nhóm thứ ba liên quan đến công tác hoàn thuế và quản lý chứng từ - hệ thống phân loại hồ sơ hoàn thuế hiện tại chưa tương thích với ứng dụng tự động, trong khi quy định về quản lý hóa đơn còn vướng mắc ở nhiều khía cạnh như thời điểm lập hóa đơn và áp dụng hóa đơn điện tử.

+ *Quy định về quản lý thuế chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế số:* trong bối cảnh thương mại điện tử xuyên biên giới bùng nổ nhưng chưa có các công cụ pháp lý phù hợp để quản lý doanh thu và thu thuế từ các nền tảng số, sàn giao dịch trực tuyến, của các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam nhưng vẫn thu được lợi nhuận đáng kể từ thị trường nội địa.

+ *Hạn chế trong ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số:* chưa tạo hành lang đầy đủ cho việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến như dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích, đánh giá và quản lý rủi ro thuế. Khung pháp lý cho quản lý thuế điện tử toàn diện còn thiếu và chưa đồng bộ, đặc biệt trong các khâu như kê khai, nộp thuế, hoàn thuế và hóa đơn điện tử, còn thiếu tính liên thông và chưa tạo được đột phá trong cải cách thủ tục hành chính thuế. Tốc độ chuyển đổi số trong quản lý thuế chưa theo kịp xu thế chung của thế giới là đẩy mạnh xây dựng hệ thống thuế thông minh với khả năng tự động hóa cao, tích hợp đa nền tảng và thân thiện với người dùng.

+ *Hạn chế trong kiểm soát gian lận:* Thực trạng gian lận và trốn thuế đang diễn biến ngày càng tinh vi và phức tạp. Các hành vi vi phạm không chỉ dừng lại ở việc kê khai sai lệch, giấu doanh thu hay lập hóa đơn khống đơn thuần, mà đã phát triển thành các thủ đoạn có tổ chức với quy mô lớn, liên quan đến nhiều chủ thể và địa bàn khác nhau. Đặc biệt nghiêm trọng là tình trạng gian lận trong các giao dịch xuyên biên giới, nơi kẽ hở về cơ chế giám sát và sự khác biệt giữa các hệ thống thuế quốc gia tạo điều kiện cho hành vi trốn thuế. Các doanh nghiệp đa quốc gia thường lợi dụng việc chuyển giá, phân bổ lợi nhuận và các giao dịch phức tạp giữa các công ty liên kết để tối thiểu hóa nghĩa vụ thuế. Trong khi đó, công cụ và năng lực giám sát của cơ quan thuế còn hạn chế, thiếu cơ chế trao đổi thông tin tự động với các nước, cũng như thiếu các giải pháp công nghệ hiện đại để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận. Điều này đòi hỏi cần có sự đổi mới toàn diện trong cả khung pháp lý và công cụ quản lý để tăng cường hiệu quả kiểm soát gian lận thuế.

- *Thứ ba, xu hướng cải cách thuế hiện nay tập trung vào việc hiện đại hóa toàn diện hệ thống quản lý thuế thông qua chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ tiên tiến.* Các nước đang đẩy mạnh xây dựng hệ thống thuế thông minh với khả năng tự động hóa cao, tích hợp đa nền tảng và thân thiện với người dùng. Họ chú trọng phát triển các giải pháp công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) trong phân tích rủi ro và quản lý thuế, đặc biệt là đối với các hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới và kinh tế số. Song song với đó là việc tăng cường hợp tác quốc tế trong trao đổi thông tin thuế, chống chuyển giá và trốn thuế, cũng như đơn giản hóa thủ tục hành chính để nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế. Các nước cũng tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ thuế chuyên nghiệp, am hiểu công nghệ và có khả năng thích ứng với môi trường quản lý thuế hiện đại.

Hệ thống quản lý thuế điện tử hiện nay chưa toàn diện từ khâu kê khai, nộp thuế đến hoàn thuế trực tuyến. Việc ứng dụng công nghệ trong phân tích và cảnh báo sớm các hành vi bất thường trong giao dịch tài chính và kê khai thuế còn hạn

chế, làm giảm hiệu quả công tác quản lý rủi ro. Cơ quan thuế chưa xây dựng được nền tảng trực tuyến đủ thân thiện và tiện dụng để khuyến khích người nộp thuế tự nguyện tuân thủ.

Vì vậy, việc lập đề nghị xây dựng hồ sơ Luật QLT (thay thế) là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT QUẢN LÝ THUẾ (THAY THẾ)

1. Mục đích ban hành Luật

Việc xây dựng luật quản lý thuế (thay thế) nhằm: (1) Đẩy mạnh việc chuyển đổi số và hiện đại hóa việc quản lý thu thuế, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, có tính liên kết, tích hợp; (2) Đổi mới toàn diện hoạt động quản lý thuế theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, công tác quản lý thuế thống nhất, công khai, minh bạch dựa trên ba nền tảng cơ bản: thể chế chính sách thuế minh bạch, quy trình thủ tục hành chính thuế đơn giản, khoa học phù hợp với thông lệ quốc tế; (3) Khắc phục các bất cập của Luật QLT; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các pháp luật liên quan; (4) Sửa đổi, bổ sung những quy định nhằm góp phần phục vụ chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước đã đề ra; phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về thuế và chuẩn bị cơ sở pháp luật để phục vụ hội nhập trong giai đoạn tới. (5) Đổi mới các nội dung và các điều luật theo hướng gia tăng các quy định nhằm cải cách thủ tục hành chính; cải cách thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai, thuận tiện, thống nhất, đảm bảo phù hợp với chuẩn mực quốc tế, thực hiện quản lý thuế điện tử, tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật về thuế, tự giác nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước. (6) Nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế để phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan với cơ quan thuế trong việc thực hiện pháp luật về thuế và quản lý thuế.

2. Quan điểm xây dựng Luật Quản lý thuế (Thay thế)

2.1 Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước về chuyển đổi số, hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế để nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế để phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế. Tái thiết kế quy trình quản lý thuế nhằm đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, hiệu quả và phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả

2.2 Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý thuế. Đơn giản hóa quy trình, thủ tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý thuế, nâng cao tính minh bạch. Đơn giản hoá các thủ tục hành chính, rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thành phần hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế và thực hiện các giao dịch trong lĩnh vực thuế trên môi trường điện tử phù hợp với thông lệ quốc tế;

2.3 Bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, góp phần đạt mục tiêu phát triển kinh tế giai đoạn 2026-2030

2.4 Thúc đẩy sự tuân thủ tự nguyện trên cơ sở phân loại mức độ tuân thủ pháp luật và mức độ rủi ro của người nộp thuế; Hoàn thiện các quy định nhằm áp dụng quản lý rủi ro xuyên suốt có hệ thống trong tất cả các nghiệp vụ quản lý thuế và hoàn thiện thể chế quản lý thuế trong một số lĩnh vực trọng yếu như: chống chuyển giá; hoạt động sản xuất kinh doanh mới phát sinh trong nền kinh tế, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, sản xuất thông minh, giao dịch xuyên biên giới; đại lý thuế; việc trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế với các cơ quan có liên quan.

2.5 Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của Luật Quản lý thuế hiện hành; đồng thời, sửa đổi, bổ sung những quy định đang là vướng mắc, không còn phù hợp để kịp thời giải quyết những vấn đề bất cập phát sinh trong thực tế, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của doanh nghiệp cũng như yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2.6. Những nội dung quan trọng về pháp luật quản lý thuế, đã chín, đã rõ, được thực tiễn chứng minh thông qua triển khai thực hiện tại các văn bản dưới luật, có sự thống nhất cao thì cần đề xuất luật hóa để đảm bảo minh bạch và nâng cao cơ sở pháp lý cho việc thực hiện.

2.7 Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; đồng thời tạo hành lang pháp lý cho việc tham gia các sáng kiến về thuế quốc tế.

2.8 Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả; tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước và người nộp thuế.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT QUẢN LÝ THUẾ

1. Phạm vi điều chỉnh

- Giữ nguyên phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý thuế hiện là *quy định việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước.*

2. Đối tượng áp dụng

- Người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Trong đó về người nộp thuế: tại khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế quy định người nộp thuế bao gồm: *Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế; Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước; Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế.*

Nội dung dự kiến sửa đổi Điều 2 Người nộp thuế như sau:

i) Định hướng rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để thống nhất, đồng bộ về người nộp thuế (*đảm bảo đồng bộ với Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; bổ sung đối tượng NNT liên quan đến hoạt động giao dịch thương mại điện tử nhằm bao quát đối tượng phát sinh phục vụ công tác quản lý thuế.*)

ii) Để đảm bảo cơ sở pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế

và cơ quan quản lý thuế, cần sửa đổi tên cơ quan quản lý thuế tại khoản 2 Điều 2 và các Điều, khoản khác trong Luật cho phù hợp.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT QUẢN LÝ THUẾ

Đề cương dự thảo Luật được xây dựng theo nguyên tắc: (1) các nội dung chính sách đã được quy định tại Luật hiện hành không sửa đổi, bổ sung; (2) các nội dung chính sách đã được quy định tại Luật hiện hành nhưng có sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và xu thế phát triển và (3) các chính sách được bổ sung mới so với quy định của Luật hiện hành.

1. Chính sách 1: Rà soát, hoàn thiện các quy định chung trong công tác quản lý thuế

1.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Sửa đổi, hoàn thiện một số khái niệm, giải thích từ ngữ.

- Hoàn thiện quy định về đồng tiền khai, nộp thuế; thống nhất cơ chế quản lý rủi ro trong các khâu của quản lý thuế; hiện đại hóa công tác quản lý thuế; hợp tác quốc tế về thuế của cơ quan quản lý thuế và nghiên cứu bổ sung quy định về cách tính thời hạn, thời hiệu trong quản lý thuế.

- Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

- Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới.

1.2. Nội dung của chính sách

- Sửa đổi, hoàn thiện một số khái niệm, giải thích từ ngữ, cụ thể: các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu; mã số thuế; khoan nợ; xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt... để phù hợp với pháp luật có liên quan.(Điều 3)

- Bổ sung quy định về nguyên tắc áp dụng, trách nhiệm, thẩm quyền thực hiện đối với các khoản thu khác NSNN do các cơ quan nhà nước khác quản lý thu (Điều 5)

- Đề xuất bổ sung quy định cho phép người nộp thuế được lựa chọn loại ngoại tệ tự do chuyển đổi để kê khai và nộp vào ngân sách nhà nước; Bổ sung quy định đồng tiền khai thuế, nộp thuế đối với hoạt động dầu khí; bổ sung quy định đồng tiền khai nộp thuế tối thiểu toàn cầu đảm bảo tính bao quát; bổ sung thẩm quyền Chính phủ quy định cụ thể việc quy đổi tỷ giá từ đồng tiền nộp thuế sang đồng tiền khai thuế và việc quy đổi giữa các loại ngoại tệ theo tỷ giá quy đổi so

với đồng tiền Việt Nam để đảm bảo căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện.(Điều 7)

- Sửa đổi, bổ sung phạm vi quy định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn tại Điều 9 và bổ sung quy định về quyền và trách nhiệm của cơ quan thuế khi phát hiện NNT có dấu hiệu rủi ro cao về thuế.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 10 quy định cơ quan thuế có trách nhiệm bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức quản lý thuế để thực hiện chức năng quản lý thuế theo quy định của pháp luật cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy mới.

- Nghiên cứu bổ sung các nội dung trên để giúp hiện đại hóa công tác quản lý thuế và tăng tính minh bạch, hiệu quả phù, phù hợp với xu thế các nước.(Điều 11)

- Nghiên cứu sửa đổi các biện pháp hỗ trợ cho phù hợp và bổ sung thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính trong việc quy định chi tiết tại khoản 2 và khoản 4 Điều 12.

- Bổ sung quy định về cách tính thời hạn, thời hiệu trong quản lý thuế.

1.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- Giải pháp 1:

Trên cơ sở đánh giá, tổng kết thực hiện Nghị định số 126/2020/NĐ-CP để Luật hóa, đảm bảo khả thi và hiệu quả, cụ thể:

Về trường hợp áp dụng: (i) Trường hợp áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời áp dụng theo quy định Luật Quản lý thuế thì cần quy định rõ áp dụng theo Điều, khoản nào của Luật Quản lý thuế; hoặc (ii) Trường hợp không áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành thì áp dụng nguyên tắc chung của Luật QLT.

Trường hợp cơ quan được giao quản lý các khoản thu khác thuộc NSNN (trừ khoản thu do CQ quản lý thuế quản lý thu) có đầy đủ thông tin, cơ sở để xác định số phải thu thì CQ đó có trách nhiệm thực hiện từ việc xác định số phải thu nộp NSNN, thông báo thu, đơn đốc thu, theo dõi nghĩa vụ thu nộp NSNN, hoàn trả nộp thừa, tính tiền chậm nộp và thực hiện các biện pháp cưỡng chế (nếu có). Trường hợp cơ quan được giao quản lý các khoản thu khác thuộc NSNN (trừ khoản thu do CQ quản lý thuế quản lý thu) không có đầy đủ thông tin, cơ sở để xác định số phải thu mà văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có quy định một trong các yếu tố cấu thành khoản phải thu thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế thì cơ quan quản lý thuế thực hiện tính và thông báo thu, đồng thời

- **Giai pháp 2:** Đề xuất bổ sung quy định cho phép người nộp thuế được lựa chọn loại ngoại tệ tự do chuyển đổi để kê khai và nộp vào ngân sách nhà nước; Bổ sung quy định đồng tiền khai thuế, nộp thuế đối với hoạt động dầu khí; bổ sung thẩm quyền Chính phủ quy định cụ thể việc quy đổi tỷ giá từ đồng tiền nộp thuế sang đồng tiền khai thuế và việc quy đổi giữa các loại ngoại tệ theo tỷ giá quy đổi so với đồng tiền Việt Nam để đảm bảo căn cứ pháp lý trong quá trình thực

hiện (Điều 7).

Lý do lựa chọn giải pháp:

Trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh trường hợp người nộp thuế khai thuế bằng ngoại tệ này nhưng khi nộp thuế lại nộp bằng một loại ngoại tệ khác dẫn đến nợ cho khoản ngoại tệ có nghĩa vụ phải nộp ngân sách nhà nước và thừa cho khoản ngoại tệ đã nộp ngân sách nhà nước vì để bù trừ giữa các loại ngoại tệ với nhau cần có tỷ giá quy đổi nhưng quy định tại Luật Quản lý thuế không có tỷ giá quy đổi giữa các ngoại tệ.

Theo các quy định hiện hành tại các văn bản Luật Quản lý thuế, nhà thầu dầu khí sẽ thực hiện khai thuế bằng đồng nào thì nộp thuế bằng đồng tiền đó (khai USD, nộp USD; khai VNĐ, nộp VNĐ). Tuy nhiên, với một người nộp thuế, trong cùng một sắc thuế, cùng một kỳ phát sinh có chuyên xuất bán khai, nộp thuế bằng đồng USD và có chuyên xuất bán lại khai, nộp thuế bằng đồng VNĐ dẫn đến khi quyết toán thuế người nộp thuế không biết phải kê khai, nộp thuế theo đồng tiền nào? Hoặc phải quy đổi tỷ giá nào trên tờ khai quyết toán thuế cho phù hợp thì chính sách hiện hành chưa có hướng dẫn.

Mặt khác, các loại thuế thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, phụ thu, khoản lãi nước chủ nhà của dầu khí được thực hiện kê khai, nộp thuế theo từng lần xuất bán hoặc theo tháng, trong khi hạch toán kế toán của các nhà thầu dầu khí theo dõi bằng USD do vậy khi khai, nộp thuế bằng đồng VNĐ nhà thầu phải quy đổi tỷ giá để ghi nhận chi phí tạm tính trong kỳ và cuối năm việc tổng hợp báo cáo tài chính, Quyết toán thuế lại bằng đồng USD nên phát sinh chênh lệch tỷ giá gây khó khăn trong công tác theo dõi và hạch toán của doanh nghiệp.

- ***Giải pháp 3:*** Sửa đổi, bổ sung phạm vi quy định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn tại Điều 9 và bổ sung quy định về quyền và trách nhiệm của cơ quan thuế khi phát hiện NNT có dấu hiệu rủi ro cao về thuế.

Lý do lựa chọn giải pháp:

Quy định tại Điều 9 đã được triển khai áp dụng làm nâng cao hiệu quả trong quá trình lập kế hoạch kiểm tra, thanh tra tại trụ sở NNT. Việc áp dụng các tiêu chí để quản lý rủi ro vào kiểm tra, thanh tra tại trụ sở NNT đã tiết kiệm đáng kể chi phí, nguồn lực con người; xác định đúng đối tượng cần phải kiểm tra, thanh tra thuế, ngăn ngừa các biểu hiện tiêu cực trong việc lựa chọn đối tượng, đảm bảo tính khách quan. Các tiêu chí quản lý rủi ro còn được áp dụng vào việc phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT. Qua việc áp dụng quản lý rủi ro, cơ bản đã lựa chọn tương đối chính xác đối tượng cần thực hiện kiểm tra, thanh tra. Phần lớn số doanh nghiệp có rủi ro cao đưa vào kế hoạch kiểm tra, thanh tra thuế đều phát hiện có vi phạm pháp luật về thuế và bị truy thu ở các mức độ khác nhau.

Bên cạnh đó, việc áp dụng quản lý hoá đơn từng bước đã giúp cơ quan thuế kịp thời rà soát, phát hiện các trường hợp vi phạm trong quản lý hoá đơn, chứng từ của người nộp thuế. Tuy nhiên, qua triển khai thực tế, quy định về quản lý rủi

ro liên quan đến các Điều, khoản tại Luật Quản lý thuế cần sửa đổi theo hướng thắt chặt hơn, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc triển khai áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế, góp phần cải cách, hiện đại hóa công tác quản lý thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế.

- **Giải pháp 4:** Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 10 Xây dựng lực lượng quản lý thuế.

Lý do lựa chọn giải pháp:

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 10 quy định cơ quan thuế có trách nhiệm bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức quản lý thuế để thực hiện chức năng quản lý thuế theo quy định của pháp luật cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy mới.

- **Giải pháp 5:** Nghiên cứu bổ sung các nội dung trên để giúp hiện đại hóa công tác quản lý thuế và tăng tính minh bạch, hiệu quả phù, phù hợp với xu thế các nước (Điều 11).

Lý do lựa chọn giải pháp:

Tại khoản 3 Điều 11 Luật Quản lý thuế quy định: “Cơ quan quản lý thuế xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý thuế, tiêu chuẩn kỹ thuật, định dạng dữ liệu về hóa đơn, chứng từ điện tử, hồ sơ thuế để thực hiện giao dịch điện tử giữa người nộp thuế với cơ quan quản lý thuế và giữa cơ quan quản lý thuế với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan”.

Tuy nhiên, xu hướng hiện đại hóa công tác quản lý thuế của các nước hiện nay là ứng dụng công nghệ mới trong hệ thống công nghệ thông tin (trí tuệ nhân tạo AI) dữ liệu lớn, blockchain và điện toán đám mây để phân tích, quản lý dữ liệu thuế nhằm phục vụ phát hiện sớm các hành vi gian lận thuế; Quản lý và lưu trữ dữ liệu an toàn, bảo mật. Tích hợp và kết nối liên thông dữ liệu giữa cơ quan thuế với các cơ quan nhà nước như ngân hàng, hải quan, các nền tảng thương mại điện tử và các cơ quan quản lý nhà nước khác; cơ quan quản lý thuế quốc tế; Tiêu chuẩn hóa định dạng dữ liệu và bảo mật thông tin theo tiêu chuẩn quốc tế; Cung cấp dịch vụ và cung cấp hỗ trợ người nộp thuế qua Chatbot hỗ trợ 24/7; Hệ thống công nghệ thông tin có khả năng mở rộng và nâng cấp hệ thống để phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế và sự thay đổi của chính sách thuế.

- **Giải pháp 6:** Bổ sung quy định về trao đổi thông tin và hợp tác nghiệp vụ với cơ quan quản lý thuế nước ngoài (Điều 12).

Lý do lựa chọn giải pháp:

Khoản 3 Điều 12 quy định về việc cơ quan quản lý thuế xây dựng hệ thống công nghệ thông tin. Để thực hiện giao dịch, trao đổi, cung cấp theo phương thức điện tử để đảm bảo đủ điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý thuế, đề xuất bổ sung quy định về trao đổi thông tin và hợp tác nghiệp vụ với cơ quan quản lý thuế nước ngoài, hỗ trợ áp dụng quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

- **Giải pháp 6:** Bổ sung quy định về cách tính thời hạn, thời hiệu trong quản

lý thuế (Điều 13a).

Lý do lựa chọn giải pháp:

Trong thực tế phát sinh trường hợp ngày cuối cùng của các thời hạn nêu trên là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ. Tuy nhiên, tại Luật Quản lý thuế không có quy định về vấn đề này dẫn đến cơ quan thuế và người nộp thuế gặp vướng mắc trong thực hiện.

Tại Khoản 5 Điều 148 Bộ Luật Dân sự quy định: “*Khi ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó.*”. Vì vậy, đề xuất bổ sung một điều riêng tại Chương I quy định trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn cưỡng chế trùng với ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó để có cơ sở thực hiện thống nhất.

2. Chính sách 2: Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý thuế

2.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Rà soát, bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và đầu tư; hoàn thiện quy định về quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế; cơ quan quản lý thuế và tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý thuế phù hợp với sự thay đổi, sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

- Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới.

2.2. Nội dung của chính sách

- Rà soát, bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và đầu tư để thống nhất, phù hợp với các quy định liên quan và phù hợp với sự thay đổi sắp xếp tổ chức, bộ máy (Điều 15)

- Bổ sung cơ sở pháp lý cho cá nhân là người nộp thuế ủy quyền cho cá nhân khác khai thuế thay, nộp thuế thay theo quy định của pháp luật về dân sự, riêng đối với việc ủy quyền khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan (Điều 16)

- Đề xuất bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội nhằm quản lý các khoản thu của các doanh nghiệp xã hội thông qua hoạt động hợp tác, nhận tài trợ..., kí kết hợp đồng kinh tế với các tổ chức cá nhân nước ngoài. (Điều 17)

- Bổ sung quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc chỉ định đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (Điều 19)

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của cơ quan nhà nước có liên quan gửi biên bản hoặc báo cáo kiểm toán hoặc kết luận cho cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp biết và theo dõi bao gồm cả quyền của người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế không đồng ý với kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Nhà nước (Điều 21, Điều 22).

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27, khoản 5 Điều 27, bổ sung khoản 6 Điều 27 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại (Điều 27).

- Nghiên cứu bổ sung quy định về nhiệm vụ của người được ủy quyền, bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế có trách nhiệm nộp thuế thay cho người nộp thuế, cung cấp thông tin về hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại khoản 5 Điều 29. Bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá khi bán đấu giá tài sản miễn thuế tại khoản 6 điều 29, bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin phục vụ công tác phân tích, dự báo, lập dự toán thu ngân .

2.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- ***Giải pháp 1:*** Rà soát, bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và đầu tư để thống nhất, phù hợp với các quy định liên quan, định hướng kết nối dùng chung dữ liệu quốc gia theo Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án trung tâm dữ liệu Quốc gia.

Lý do lựa chọn giải pháp:

Chương III Luật Quản lý thuế bao gồm 12 Điều về đăng ký thuế với quy định sử dụng mã số định danh cá nhân làm mã số thuế nhằm thống nhất sử dụng mã số cho cá nhân và đơn giản, cắt giảm thủ tục hành chính cho người dân. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 15 Luật Quản lý thuế chưa có quy định trách nhiệm của Bộ Công an trong việc cung cấp thông tin cấp mã số định danh cá nhân, thông tin đăng ký thay đổi thông tin định danh cá nhân cho cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo các Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp mới đăng ký thay đổi, thu hồi các loại giấy phép (giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh) theo cơ chế một cửa liên thông và không có hình thức liên thông đối với giấy chứng nhận đăng ký thuế (giấy này chỉ được cơ quan thuế cấp cho hình thức không liên thông). Đồng thời, định hướng sắp tới sẽ thực hiện liên thông cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh.

- ***Giải pháp 2:*** bổ sung cơ sở pháp lý cho cá nhân là người nộp thuế ủy quyền

cho cá nhân khác khai thuế thay, nộp thuế thay theo quy định của pháp luật về dân sự, riêng đối với việc ủy quyền khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.

Lý do lựa chọn giải pháp:

Điều 16 Luật Quản lý thuế quy định người nộp thuế có một số quyền như: Được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế; cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế; Được nhận văn bản liên quan đến nghĩa vụ thuế của các cơ quan chức năng khi tiến hành thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; Được bồi thường thiệt hại do cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế gây ra theo quy định của pháp luật... Tuy nhiên, Luật Quản lý thuế chưa có quy định người nộp thuế ủy quyền khai thay, nộp thuế thay theo quy định của pháp luật dân sự.

Đối với việc ủy quyền khai hải quan: căn cứ khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 quy định người khai hải quan và các trường hợp quy định tại Điều 5 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018); theo đó, người được chủ hàng hoá uỷ quyền chỉ là các trường hợp nêu tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

Đề xuất sửa cụm từ “cơ quan thuế” thành “cơ quan quản lý thuế” tại khoản 11 Điều 16 dự thảo Luật quản lý thuế để bao gồm các văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan hải quan. Quy định rõ “văn bản hướng dẫn” và “quyết định xử lý” của cơ quan quản lý thuế là các văn bản nào.

- ***Giải pháp 3:*** Đề xuất bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội nhằm quản lý các khoản thu của các doanh nghiệp xã hội thông qua hoạt động hợp tác, nhận tài trợ..., kí kết hợp đồng kinh tế với các tổ chức cá nhân nước ngoài.

Lý do lựa chọn giải pháp:

Luật Quản lý thuế điều chỉnh việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước mà không điều chỉnh cụ thể bất cứ một loại hình doanh nghiệp nào. Các quy định điều chỉnh DNXH hiện nay đang được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư.

Căn cứ Điều 10 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 4, Điều 5 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP, DNXH được tiếp nhận viện trợ phi Chính phủ nước ngoài để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường theo quy định của pháp luật về tiếp nhận viện trợ phi Chính phủ nước ngoài. Ngoài khoản viện trợ này, doanh nghiệp xã hội được tiếp nhận bằng tài sản, tài chính hoặc hỗ trợ kỹ thuật từ các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nước và tổ chức nước ngoài đã đăng ký hoạt động tại Việt Nam để thực hiện mục tiêu giải quyết vấn đề xã hội, môi trường.

Thời gian gần đây, một số DNXH có xu hướng nhận tài trợ của tổ chức phi Chính phủ nước ngoài để thực hiện các hoạt động nhằm tác động tới thể chế, vận động liên quan đến tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, ... Các hoạt động này đã được quy định rõ và được cho phép tại Luật Doanh nghiệp năm 2014, Nghị định số 47/2021/NĐ-CP. Việc quản lý các hoạt động tiếp nhận, sử dụng các khoản viện

trợ phi Chính phủ nước ngoài được điều chỉnh bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc các ngành, lĩnh vực khác nhau. Cần thiết bổ sung quy định quản lý thuế đối với các hoạt động hợp tác, nhân tài trợ, ký kết hợp đồng tư vấn, dịch vụ, hợp đồng kinh giữa DNXH Việt Nam với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Đối với các doanh nghiệp xã hội cung cấp bổ sung giấy đăng ký, thông báo và xác nhận của cơ quan quản lý có liên quan về doanh nghiệp xã hội và khoản thu trong năm phát sinh dùng cho mục đích xã hội.

- **Giải pháp 4:** Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27, khoản 5 Điều 27, bổ sung khoản 6 Điều 27 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại.

Lý do lựa chọn giải pháp:

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 theo hướng quy định cụ thể các thông tin ngân hàng thương mại phải cung cấp, thời gian thực hiện cung cấp, phương thức cung cấp để thực hiện thống nhất.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 27 quy định rõ thời hạn bảo lãnh của ngân hàng thương mại đối với trách nhiệm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thay cho người nộp thuế; đảm bảo tính khả thi và tránh xung đột pháp luật (pháp luật hợp đồng bảo lãnh hiện hành đều quy định rõ thời hạn bảo lãnh). (**Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 107:** Trường hợp hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tập đoàn đa quốc gia không thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn phải thông báo, cơ quan thuế chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế.)

Bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng thương mại trong việc nộp thuế thay cho người nộp thuế khi xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa miễn thuế, không chịu thuế tại khoản 6 Điều 27 dự thảo Luật quản lý thuế. Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định này vào Luật quản lý thuế để thu hồi số tiền thuế cho NSNN.

- **Giải pháp 5:** Bổ sung quy định về nhiệm vụ của cơ quan thuế trong việc khôi phục lại mã số cho người nộp thuế trong trường hợp cụ thể.

Lý do lựa chọn giải pháp:

Trong quá trình thực hiện, phát sinh trường hợp người nộp thuế không thuộc trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng đã bị cơ quan thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế chưa đúng quy định. Trong trường hợp này, cơ quan thuế phải có trách nhiệm khôi phục lại mã số thuế cho người nộp thuế nhằm đảm bảo đúng tình trạng pháp lý của người nộp thuế.

- **Giải pháp 6:** Đề xuất bỏ Điều 28 Luật Quản lý thuế quy định Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn.

Lý do lựa chọn giải pháp:

Trong thời gian qua, việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn xã, phường

thị trấn không mang lại hiệu quả trong công tác quản lý thu thuế, chưa có quy định hướng dẫn cụ thể về đối tượng, nội dung chi và mức chi của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn nên các Cục Thuế chưa có căn cứ chi cho hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế. Do vậy, quy định này không được thực thi trong thực tiễn.

- **Giải pháp 7:** Bổ sung quy định về quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thay cho người nộp thuế và cung cấp thông tin phục vụ công tác xây dựng dự toán thu ngân sách.

Lý do lựa chọn giải pháp:

Khoản 4 Điều 3 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH14 quy định về người được uỷ quyền, bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế. Tuy nhiên, Luật quản lý thuế chưa quy định trách nhiệm của người được uỷ quyền, bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế. Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định về nhiệm vụ của người được uỷ quyền, bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế có trách nhiệm nộp thuế thay cho người nộp thuế, cung cấp thông tin về hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan quản lý thuế để làm căn cứ ấn định thuế tại khoản 5 Điều 29.

- Điều 29 Luật quản lý thuế chưa có quy định về trách nhiệm nộp thuế của cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa hoàn thành thủ tục hải quan bị kê biên, bán đấu giá. Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá khi bán đấu giá tài sản miễn thuế tại khoản 6 điều 29.

Trách nhiệm phối hợp trong xây dựng dự toán: Hiện nay, chưa có quy định về việc phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp thông tin khi xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước nên cơ quan lập dự toán chưa có đầy đủ các thông tin chính xác, kịp thời để phục vụ công tác dự báo, lập dự toán thu NSNN tại cơ quan thuế các cấp.

- Nghiên cứu bổ sung quy định nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến khi tham gia thu thuế và thu các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước.

3. Chính sách 3: Sửa đổi các nội dung về đăng ký thuế

3.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Hoàn thiện quy định về đăng ký thuế nhằm đảm bảo nâng cáo hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, hoàn thiện quy định nhằm chuyển đổi số công tác quản lý thuế.

- Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan;

Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới.

3.2. Nội dung của chính sách

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung về đối tượng đăng ký thuế và cấp mã số thuế nhằm bao quát đầy đủ các đối tượng phải cấp mã số thuế để quản lý thuế và phù hợp với pháp luật thuế có liên quan (Điều 30)

- Sửa đổi, bổ sung về địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu, thời hạn đăng ký thuế lần đầu, cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế để đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân của Bộ Công an ngay khi cá nhân được cấp mã số định danh cá nhân (Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34)

- Quy định việc sử dụng mã số thuế, thay đổi thông tin đăng ký thuế, thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, khôi phục mã số thuế; đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp nhằm đồng bộ với quy định về đối tượng đăng ký thuế và cấp mã số thuế, bao quát các trường hợp phát sinh trong thực tế và đảm bảo phù hợp với quy định với Luật Doanh nghiệp (Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40)

3.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- **Giải pháp 1:** Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung về đối tượng đăng ký thuế và cấp mã số thuế nhằm bao quát đầy đủ các đối tượng phải cấp mã số thuế để quản lý thuế và phù hợp với pháp luật thuế có liên quan.

Lý do lựa chọn giải pháp:

Luật Quản lý thuế hiện hành quy định các nội dung người nộp thuế phải thực hiện đăng ký thuế và được cơ quan thuế cấp mã số thuế trước khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; Cấu trúc mã số thuế; việc cấp mã số thuế và đăng ký thuế nhưng chưa có quy định cấp mã số thuế cho tổ chức không có tư cách pháp nhân.

Nhằm bao quát đầy đủ các đối tượng phải cấp mã số thuế để quản lý thuế và phù hợp với pháp luật thuế có liên quan theo hướng: Mã số thuế là mã đăng ký doanh nghiệp, mã đăng ký hợp tác xã, mã đăng ký cá nhân kinh doanh.

Đồng thời, nghiên cứu quy định việc cấp MST nộp thay, rà soát lại yêu cầu quản lý, sự cần thiết phải cấp MST nộp thay, bổ sung đối tượng đăng ký thuế theo quy định thuế TTTC, việc cấp MST cho đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định thuế

- **Giải pháp 2:** - Sửa đổi, bổ sung về địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu, thời hạn đăng ký thuế lần đầu, cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế để đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân của Bộ Công an ngay khi cá nhân được cấp mã số định danh cá nhân.

Lý do lựa chọn giải pháp

Khi cá nhân được cấp mã số định danh cá nhân thì cơ quan thuế tự động cập nhật thông tin đăng ký của cá nhân từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ

liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân của Bộ Công an thay thế cho thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế, cơ quan chi trả thu nhập phải kê khai như trước đây. Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi để đảm bảo thực hiện đồng bộ, thống nhất quy định về quản lý thuế.

Nghiên cứu bổ sung quy định về thời điểm đăng ký thuế; thông báo mã số thuế; địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế và thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo thuế tối thiểu toàn cầu.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 34 Luật Quản lý thuế theo hướng cơ quan thuế không phải cấp thông báo mã số thuế đối với trường hợp cá nhân sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế. Đồng thời, cần rà soát lại sự cần thiết của việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo MST khi các hoạt động đã được thực hiện bằng hình thức điện tử và thông tin đã được lưu trữ trên môi trường điện tử.

- Giải pháp 3: - Quy định việc sử dụng mã số thuế, thay đổi thông tin đăng ký thuế, thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, khôi phục mã số thuế; đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp nhằm đồng bộ với quy định về đối tượng đăng ký thuế và cấp mã số thuế, bao quát các trường hợp phát sinh trong thực tế và đảm bảo phù hợp với quy định với Luật Doanh nghiệp.

Lý do lựa chọn giải pháp

Hiện nay, tỷ lệ doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký chiếm tỷ lệ cao và có xu hướng ngày càng tăng làm thất thu ngân sách nhà nước, khó khăn trong công tác quản lý thuế và ảnh hưởng đến người nộp thuế khác khi mua hàng của doanh nghiệp này. Vì vậy, cần bổ sung chế tài ràng buộc, hạn chế “quyền” đối với doanh nghiệp đã bị cơ quan thuế phát hành Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Khi thực hiện nội dung liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh và không cấp mã số thuế cho cá nhân mà sử dụng luôn mã số định danh cá nhân làm mã số thuế như đề xuất tại Điều 30 nêu trên thì cần thiết phải sửa lại quy định về thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế cho phù hợp. Khi cá nhân thay đổi thông tin đã khai báo khi cấp mã số định danh cá nhân thì cơ quan thuế tự động cập nhật thông tin đăng ký thay đổi của cá nhân từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân của Bộ Công an thay thế cho thông tin thay đổi đăng ký thuế của người nộp thuế, cơ quan chi trả thu nhập phải kê khai như trước đây. Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi quy định về thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế cho phù hợp.

Luật Hợp tác xã không có quy định về tổ chức lại hợp tác xã mà chỉ có quy định về chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hợp tác xã. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Doanh nghiệp thì hộ kinh doanh không có hình thức tổ chức lại nên cần bỏ quy định này tại Luật Quản lý thuế.

Luật Quản lý thuế chưa có quy định đối với người nộp thuế không đăng ký

thuế trực tiếp với quan thuế được nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế sau khi cơ quan thuế có thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký nhưng chưa bị thu hồi giấy phép và chưa bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Nghiên cứu bổ sung trường hợp khôi phục mã số thuế tại khoản 1 Điều 40 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có nhu cầu tiếp tục hoạt động kinh doanh sau khi đã có hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế gửi đến cơ quan thuế (do chia, sáp nhập, hợp nhất, chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc) nhưng chưa nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Nghiên cứu bổ sung trường hợp thay đổi thông tin đăng ký thuế do quy định thuế tối thiểu toàn cầu đang quy định trường hợp thay đổi đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai mới cũng thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế.

4. Chính sách 4: Sửa đổi các nội dung về khai thuế, tính thuế

4.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Hoàn thiện quy định về khai thuế nhằm đảm bảo nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, hoàn thiện quy định nhằm chuyển đổi số công tác quản lý thuế.

- Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

4.2. Nội dung của chính sách

- Để đảm bảo cơ sở pháp lý trong khi thực hiện, nghiên cứu sửa đổi quy định về Tổ chức, cá nhân thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho người nộp thuế; quy định rõ thời điểm khai thuế, tính thuế đối với các trường hợp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có thời điểm lập hóa đơn khác với thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, cung cấp dịch vụ. (Điều 42)

- Định hướng sửa đổi, bổ sung quy định về hồ sơ khai thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và rà soát quy định tại Luật Doanh nghiệp để thống nhất về hồ sơ khai thuế trong trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp (Điều 43)

- Để khắc phục các bất cập hiện hành, đề xuất sửa đổi quy định về thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân; thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với hoạt động xuất bán dầu thô (Điều 44).

- Rà soát quy định tại các văn bản QPPL có liên quan để sửa đổi bổ sung về việc nộp hồ sơ khai thuế trong trường hợp người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc sản xuất, kinh doanh ở địa phương cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cùng nơi người nộp thuế có trụ sở chính. (Điều 45)

- Bổ sung các quy định: gia hạn nộp hồ sơ khai thuế cho NNT thuế gấp khó khăn đặc biệt trong từng thời kỳ nhất định; rút ngắn thời hạn kiểm tra hồ sơ khai thuế từ 3 ngày làm việc xuống 01 ngày làm việc (Điều 46).

- Đề xuất sửa đổi bổ sung một khoản tại Điều 47 quy định khi cơ quan thuế nhận được văn bản đề nghị của cơ quan điều tra theo quy định của Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự thì người bán và người mua không được khai bổ sung hồ sơ khai thuế đối với các kỳ tính thuế có liên quan đến việc điều tra vụ án hình sự.

- Nghiên cứu sửa đổi tại khoản 2 Điều 48 theo hướng quy định rút ngắn thời hạn tiếp nhận hồ sơ khai thuế từ 03 ngày làm việc xuống 01 ngày làm việc.

4.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- **Giải pháp 1:** - Đề đảm bảo cơ sở pháp lý trong khi thực hiện, nghiên cứu sửa đổi quy định về tổ chức, cá nhân thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho người nộp thuế; quy định rõ thời điểm khai thuế, tính thuế đối với các trường hợp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có thời điểm lập hóa đơn khác với thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Lý do lựa chọn giải pháp

Theo quy định của pháp luật thuế nhà thầu, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp... có quy định một số trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho người nộp thuế. Vì vậy, cần bổ sung một khoản vào sau khoản 4 Điều 42 Luật Quản lý thuế để quy định trường hợp khai thay, nộp thay và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về khoản khai thay, nộp thay.

Hiện nay, do đặc thù của khối doanh nghiệp lớn như điện, dầu khí, viễn thông, hàng không, ngân hàng... là các lĩnh vực, ngành nghề đặc thù (khoảng gần 100 doanh nghiệp) nên được quy định thời điểm lập hóa đơn khác với thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, cung cấp dịch vụ (các trường hợp cụ thể được quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ) khác với nguyên tắc chung với các hàng hóa, dịch vụ thông thường nhưng chưa có quy định về thời điểm xác định nghĩa vụ thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế riêng mà vẫn phải thực hiện theo nguyên tắc chung dẫn đến:

- Tại thời hạn khai thuế theo quy định hiện hành thì người nộp thuế chưa có hóa đơn bán hàng, cung cấp dịch vụ làm căn cứ để khai thuế, tính thuế. Để thực hiện theo quy định hiện hành thì người nộp thuế sẽ phải tạm xác định giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ để khai thuế cho tháng phát sinh giao dịch và sau đó thực hiện kê khai bổ sung hồ sơ khai thuế khi có hóa đơn giá trị gia tăng chính thức dẫn đến làm tăng thủ tục hành chính và phát sinh tiền chậm nộp từ lý do khách quan theo đặc thù hoạt động sản xuất, kinh doanh.

+ Thời điểm xác định thuế đầu ra – đầu vào của bên bán và bên mua không đồng thời (do bên bán phải khai thuế giá trị gia tăng đầu ra theo thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong khi bên mua phải chờ đến khi có hóa đơn giá trị gia tăng chính thức để kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng); tương ứng việc ghi nhận doanh thu – chi phí của bên mua – bên bán cho mục đích khai thuế thu nhập doanh nghiệp cũng không đồng nhất.

- Đối với việc khai, nộp thuế tại các hợp đồng dầu khí có phát sinh trường hợp người nộp thuế ủy quyền hoặc ủy thác cho tổ chức khác kê khai, nộp thuế thay như: nhà thầu tham gia trong hợp đồng dầu khí ủy quyền cho người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung thực hiện khai, nộp các khoản thuế phát sinh theo quy định (thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, phụ thu đối với dầu lõi khi giá dầu thô biến động tăng,...); hoặc hợp đồng dầu khí có thoả thuận Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thay mặt các nhà thầu nộp các loại thuế thì Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ủy quyền cho người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung thực hiện khai, nộp thuế; ...

+ Thực tế trên cũng dẫn đến khó khăn cho cơ quan thuế trong công tác quản lý thuế do người nộp thuế điều chỉnh hồ sơ khai thuế để xác định chính xác, đầy đủ nghĩa vụ thuế phát sinh.

Vì vậy, cần thiết sửa đổi nguyên tắc khai thuế, tính thuế để xác định thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với các trường hợp nêu trên để thống nhất giữa quy định về chính sách thuế và hóa đơn.

+ Đối với các khoản thu do ngành Thuế, ngành Hải quan quản lý thì về nguyên tắc NNT phải tự tính số tiền phải nộp vào NSNN và kê khai với cơ quan quản lý thuế. Trường hợp giao cơ quan thuế tính đối với các khoản thu mà NNT không tự xác định được số tiền phải nộp vào NSNN thì cơ quan thuế chỉ chịu trách nhiệm đối với các yếu tố được giao cho cơ quan thuế xác định.

Đối với các khoản thu khác không do ngành Thuế, ngành Hải quan quản lý thì cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý các khoản thu đó phải có trách nhiệm xác định số tiền phải nộp vào NSNN, đôn đốc, tính tiền chậm nộp theo quy định tại Luật này để đảm bảo trách nhiệm quản lý từ khâu bắt đầu đến khâu kết thúc, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm cho các cơ quan quản lý khác. Theo đó, bỏ quy định về việc cơ quan quản lý thuế ban hành Thông báo nộp tiền đối với các khoản thu do các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác đã tính ra số tiền phải nộp vào NSNN như tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền sử dụng khu vực biển,...

Nghiên cứu bổ sung quy định người khai thay theo quy định của pháp luật về thuế phải thực hiện khai thay, nộp thay tiền thuế và các khoản thu khác thuộc NSNN và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về khai thay, nộp thay để thống nhất.

- **Giải pháp 2:** - Định hướng sửa đổi, bổ sung quy định về hồ sơ khai thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và rà soát quy định tại Luật Doanh nghiệp để thống nhất về hồ sơ khai thuế trong trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp.(Điều 43)

Lý do lựa chọn giải pháp

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp (từ Điều 202 đến Điều 205): khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì Công ty chuyển đổi kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi. Như vậy, khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì không phải nộp hồ sơ quyết toán thuế, trừ trường hợp

cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp (khoản 31 Điều 4) thì tổ chức lại doanh nghiệp là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. Như vậy, không thể dùng từ “tổ chức lại doanh nghiệp” vì có cả chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

Theo quy định của Luật Kế toán (khoản 3 Điều 12) quy định về kỳ kế toán đối với chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động: kỳ kế toán cuối cùng tính từ đầu ngày kỳ kế toán năm, kỳ kế toán quý, kỳ kế toán tháng đến hết ngày trước ngày quyết định chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản đơn vị kế toán có hiệu lực.

Luật Quản lý thuế hiện hành chưa có quy định hồ sơ quyết toán đối với trường hợp giải thể, phá sản. Theo quy định của Luật Phá sản thì có 02 loại Quyết định là Quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án và Quyết định tuyên bố đã phá sản của Tòa án. Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản thì Tòa án đã gửi cho các chủ nợ có liên quan bao gồm cơ quan thuế để chốt thông tin về các khoản nợ. Do đó, cần quy định cụ thể là thời điểm của báo cáo tài chính là đến hết trước ngày có Quyết định mở thủ tục phá sản của tòa án.

- Luật Quản lý thuế hiện hành cũng chưa có quy định về “khấu trừ thuế đã nộp tại nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam” dẫn đến không có căn cứ để giao Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ.

Bỏ quy định về khai quý do với việc sử dụng hóa đơn điện tử hiện nay, việc kê khai thuế của NNT đã thuận lợi hơn rất nhiều. Ngoài ra, việc áp dụng kỳ tính thuế quý hiện chỉ áp dụng đối với sắc thuế GTGT và TNCN. Do đó, việc kéo dài thời gian kê khai cho NNT là không cần thiết và dễ phát sinh rủi ro không kê khai thuế đối với những trường hợp NNT thành lập để mua bán hóa đơn. Nghiên cứu bổ sung quy định kỳ tính thuế gồm kỳ tháng, kỳ năm và kỳ quyết toán thuế.

Nghiên cứu bổ sung quy định về trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam

- **Giải pháp 3:** - Để khắc phục các bất cập hiện hành, đề xuất sửa đổi quy định về thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân; thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với hoạt động xuất bán dầu thô.(Điều 44)

Lý do lựa chọn giải pháp

Về thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam cũng chưa được quy định cụ thể tại Luật Quản lý thuế.

Khoản 6 Điều 44 Luật Quản lý thuế quy định: “*Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định của Luật Hải quan*”. Để đảm bảo phù hợp với đề xuất sửa đổi khoản 5 Điều 43 Luật Quản lý thuế thì cần sửa đổi khoản 6 Điều 44 Luật Quản lý thuế.

Theo thông lệ quốc tế về bán dầu thô và thoả thuận tại các hợp đồng mua bán dầu thô, giá bán dầu được xác định trên cơ sở USD và được xác định là giá trung bình tháng bán dầu, theo đó, thời điểm xác định giá bán chính thức là khoảng 30-35 ngày sau khi xuất bán dầu thô; thời điểm thanh toán là sau 30 ngày kể từ ngày xuất bán. Nghị định 126/2020/NĐ-CP, Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về khai thuế, nộp thuế, lập hóa đơn đã công nhận sự đặc thù của hoạt động xuất bán dầu thô nêu trên. Tuy nhiên, Luật Quản lý thuế chỉ quy định về thời điểm nộp thuế đối với hoạt động xuất bán dầu thô (Điều 55), chưa có quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

Nghiên cứu bổ sung quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

Nghiên cứu bỏ quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế quý để thống nhất định hướng bỏ quy định khai quý tại Điều 43.

- Giải pháp 4: - Rà soát quy định tại các văn bản QPPL có liên quan để sửa đổi bổ sung về việc nộp hồ sơ khai thuế trong trường hợp người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc sản xuất, kinh doanh ở địa phương cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cùng nơi người nộp thuế có trụ sở chính. (Điều 45)

Lý do lựa chọn giải pháp

Điều 45 Luật Quản lý thuế quy định: Người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Theo quy định tại Luật Quản lý thuế hiện hành, các đơn vị phụ thuộc trên cùng địa bàn với trụ sở chính chưa có hướng dẫn cụ thể về nguyên tắc khai thuế, tính thuế và địa điểm nộp hồ sơ khai thuế.

Nghiên cứu bổ sung quy định về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu.

- Giải pháp 5: - Bổ sung các quy định: gia hạn nộp hồ sơ khai thuế cho NNT thuế gặp khó khăn đặc biệt trong từng thời kỳ nhất định; rút ngắn thời hạn kiểm tra hồ sơ khai thuế từ 3 ngày làm việc xuống 01 ngày làm việc.

Lý do lựa chọn giải pháp

Tại khoản 1 Điều 46 Luật Quản lý thuế quy định: “*Người nộp thuế không có khả năng nộp hồ sơ khai thuế đúng thời hạn do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ thì được thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp gia hạn nộp hồ sơ khai thuế*”.

Trong thời gian dịch covid 19 vừa qua, cơ quan nhà nước thực hiện phong tỏa, giãn cách xã hội nên người nộp thuế không nộp hồ sơ khai thuế đúng hạn. Tuy nhiên, nếu chiếu theo Luật Quản lý thuế chưa có trường hợp gia hạn nộp hồ sơ khai thuế với lý do này vì việc gia hạn này phải được thực hiện hàng loạt cho tất cả các người nộp thuế trên một hoặc nhiều địa bàn đã bị cơ quan nhà nước phong tỏa và không yêu cầu người nộp thuế phải gửi hồ sơ xin gia hạn đến cơ quan thuế. Vì vậy, cần bổ sung một khoản tương tự như quy định gia hạn nộp thuế tại Điều 63 Luật Quản lý thuế.

- Giải pháp 6: Đề xuất sửa đổi bổ sung một khoản tại Điều 47 quy định

khi cơ quan thuế nhận được văn bản đề nghị của cơ quan điều tra theo quy định của Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự thì người bán và người mua không được khai bổ sung hồ sơ khai thuế đối với các kỳ tính thuế có liên quan đến việc điều tra vụ án hình sự. Cơ quan thuế ban hành Thông báo không chấp nhận hồ sơ khai bổ sung hồ sơ khai thuế gửi cho người bán và người mua. Khi kết thúc yêu cầu hoặc khi kết thúc vụ việc, vụ án hình sự hoặc khi thay đổi biện pháp nghiệp vụ liên quan đến vụ án thì cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan thuế để có căn cứ xử lý kê khai của người nộp thuế.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật Quản lý thuế hiện hành chưa có quy định về không được khai bổ sung để thực hiện các yêu cầu, đề nghị cơ quan Điều tra. Căn cứ quy định của khoản 4 Điều 8; khoản 1, khoản 2 Điều 12 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự và khoản 4 Điều 5, Điều 6 và Điều 168 Bộ luật Tố tụng hình sự thì cơ quan thuế căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện yêu cầu, quyết định và tạo điều kiện cho các cơ quan điều tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động điều tra hình sự. Thủ trưởng cơ quan điều tra chịu trách nhiệm về hành vi, quyết định của mình. Trong thời gian qua tình hình tội phạm thành lập doanh nghiệp "ma" để thực hiện hành vi mua bán hóa đơn diễn ra khá phổ biến ở nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước nhằm sử dụng bất hợp pháp hóa đơn, thông qua đó nâng không giá trị hàng hóa và các công ty này khai khống thuế giá trị gia tăng đầu vào nhằm chiếm đoạt tiền thuế giá trị gia tăng. Trước tình trạng gia tăng loại tội phạm trên, cơ quan thuế nhận được nhiều văn bản của cơ quan an ninh điều tra hoặc cơ quan cảnh sát điều tra yêu cầu, đề nghị chặn người bán và người mua không được khai bổ sung hồ sơ khai thuế đối với các kỳ tính thuế có liên quan đến việc điều tra vụ án hình sự. Thực tế, do chưa có quy định cụ thể tại Luật quản lý thuế, Bộ Tài chính đã lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Tư pháp và Viện kiểm sát nhân dân tối cao để làm căn cứ triển khai.

Giao Chính phủ quy định chi tiết để đảm bảo thực hiện thống nhất, thuận lợi trong việc triển khai thực hiện.

Nghiên cứu sửa đổi tại khoản 2 Điều 48 theo hướng quy định rút ngắn thời hạn kiểm tra hồ sơ khai thuế từ 03 ngày làm việc xuống 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

5. Chính sách 5: Sửa đổi các nội dung về ấn định thuế

5.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

- Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới.

5.2. Nội dung của chính sách

- Đề phù hợp với thực tế quản lý thuế, nghiên cứu bổ sung quy định ấn định thuế đối với người nộp thuế trong trường hợp vi phạm pháp luật về thuế (Điều 50).

- Cần nghiên cứu sửa đổi tiêu đề cho phù hợp nội dung của Điều 51.

- Đề xuất sửa đổi khoản 3 Điều 53 về xử lý số tiền sau khiếu nại: chỉ hoàn trả số tiền nộp thừa, không hoàn trả tiền chậm nộp đã tính đến thời điểm ấn định thuế (nếu có).

5.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- **Giải pháp 1:** Đề phù hợp với thực tế quản lý thuế, nghiên cứu bổ sung quy định ấn định thuế đối với người nộp thuế trong trường hợp vi phạm pháp luật về thuế.

Lý do lựa chọn giải pháp

Rà soát Luật Quản lý thuế hiện hành, đề xuất bổ sung căn cứ pháp lý để cơ quan thuế khi ấn định giá mua bán hàng hóa hoặc giá trị công trình xây dựng có thể sử dụng cơ sở dữ liệu hoặc các tài liệu của các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan như cơ quan Hải quan, suất vốn đầu tư xây dựng của Bộ Xây dựng,... tạo sự công khai, minh bạch, tránh rủi ro cho cơ quan thuế.

Đề phù hợp với thực tế quản lý thuế, nghiên cứu bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 50 Luật Quản lý thuế khi thực hiện thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế phát hiện người nộp thuế vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Quản lý thuế thì cơ quan thuế thực hiện việc ấn định từng yếu tố liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp đối với người nộp thuế.

Bổ sung quy định thời điểm thực hiện ấn định thuế (chỉ khi cơ quan thuế thực hiện TTKT tại trụ sở NNT hay khi cơ quan thuế phát hiện trong quá trình quản lý), tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện.

- **Giải pháp 2:** Cần nghiên cứu sửa đổi tiêu đề và nội dung của Điều 51 theo hướng bỏ hoặc sửa đổi quy định về mức khoán chi áp dụng đối với mức doanh thu thấp dưới ngưỡng nhất định; sửa đổi, bổ sung quy định tiêu chí quy mô doanh thu của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối với cơ quan thuế và tiêu chí quy mô doanh thu của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải thực hiện chế độ hóa đơn, chế độ chứng từ để nộp thuế theo phương pháp kê khai;

Lý do lựa chọn giải pháp

Tiêu đề của Điều 51 Luật Quản lý thuế quy định về ấn định thuế nhưng trong nội dung vẫn quy định về việc hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế.

Việc xác định mức khoán hiện nay đang chưa sát thực tế dẫn đến thất thu ngân sách nhà nước do vậy cần nghiên cứu sửa đổi quy định mức khoán chi áp

dụng đối với mức doanh thu thấp hơn một ngưỡng nhất định và quy định tiêu chí quy mô doanh thu của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối với cơ quan thuế và tiêu chí quy mô doanh thu của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải thực hiện chế độ hóa đơn, chế độ chứng từ để nộp thuế theo phương pháp kê khai nhằm minh bạch doanh thu.

Nghiên cứu bổ sung quy định tại Điều 51 về ấn định thuế trong trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hiện chế độ kế toán và nộp thuế theo phương pháp kê khai nhưng cơ quan thuế qua kiểm tra, thanh tra phát hiện sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ không đầy đủ, không hợp pháp hoặc kê khai, tính thuế không đúng thực tế thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế dựa trên căn cứ ấn định

- **Giải pháp 3:** - Đề xuất sửa đổi khoản 3 Điều 53 về xử lý số tiền sau khiếu nại: chỉ hoàn trả số tiền nộp thừa, không hoàn trả tiền chậm nộp đã tính đến thời điểm ấn định thuế (nếu có).

Lý do lựa chọn giải pháp

Việc ấn định thuế của cơ quan quản lý thuế tại thời điểm ấn định có tính pháp lý cao nhất, do đó, trường hợp sau khi giải quyết khiếu nại, khởi kiện mà số tiền thuế ấn định của cơ quan quản lý thuế lớn hơn số tiền thuế phải nộp thì cơ quan quản lý thuế chỉ hoàn trả số tiền thuế nộp thừa, không hoàn trả tiền chậm nộp đã tính đến thời điểm ấn định thuế.

6. Chính sách 6: Hoàn thiện quy định về nộp thuế đồng bộ với pháp luật mới được ban hành, đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế.

6.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

- Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới.

6.2. Nội dung của chính sách

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn nộp thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, bổ sung thời hạn nộp tiền sử dụng khu vực biển để đảm bảo thống nhất giữa pháp luật về thuế và pháp luật về quản lý thuế (Điều 55).

- Đề xuất bỏ khái niệm về địa điểm nộp thuế, chỉ quy định về các hình thức nộp thuế do hình thức thanh toán điện tử đang phát triển rất nhanh và đa dạng, do đó trong thời gian tới các hình thức nộp thuế truyền thống như nộp tại KBNN, nộp tại cơ quan thuế, nộp tại tổ chức ủy nhiệm thu sẽ cần được cân nhắc sửa đổi, thay thế phù hợp với phát triển nhanh, đa dạng của các hình thức thanh toán (Điều 56).

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hướng: Người nộp thuế được quyền lựa chọn

khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt để thanh toán. Trong trường hợp NNT không lựa chọn, Cơ quan thuế sẽ thực hiện thanh toán các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo thứ tự các khoản có hạn nộp xa nhất trước. (Điều 57)

- Nghiên cứu bổ sung trường hợp nộp thuế trực tiếp bằng tiền mặt tại tổ chức tín dụng tại khoản 2 Điều 58 quy định về xác định ngày đã nộp thuế.

- Về việc xử lý đối với tiền chậm nộp tiền thuế, đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung: trường hợp phải nộp tiền chậm nộp; sửa đổi, bổ sung quy định về các trường hợp không tính tiền chậm nộp; bổ sung quy định tính tiền chậm nộp khi doanh nghiệp nộp thuế sau khi thực hiện khoanh nợ; Bổ sung quy định về việc tính tiền chậm nộp thuế đối với trường hợp dừng việc khoanh nợ và trường hợp doanh nghiệp được khoanh nợ nhưng thành lập doanh nghiệp khác thì hủy khoanh nợ và tính tiền chậm nộp liên tục kể từ khi nợ đến khi nộp tiền vào ngân sách nhà nước tại khoản 6 Điều 59. sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 59 Luật Quản lý thuế để bao quát hết các trường hợp xác định giảm nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế; thẩm quyền Chính phủ quy định cụ thể hồ sơ và thẩm quyền miễn tiền chậm nộp thuế đối với trường hợp bất khả kháng (Điều 59)

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định thủ tục hoàn thuế nộp thừa cùng với thủ tục hoàn thuế khác. Đồng thời, để đảm bảo ngày phát sinh khoản nộp thừa theo đúng thực tế phát sinh và bổ sung giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết ngày phát sinh khoản nộp thừa. (Điều 60)

- Đề xuất bổ sung quy định về việc người nộp thuế thực hiện tính số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt không phải là cơ quan thuế. (Điều 61)

- Đề xuất sửa đổi quy định về gia hạn nộp thuế (Điều 62, Điều 63, Điều 64, Điều 65).

6.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- ***Giải pháp 1:*** Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn nộp thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, bổ sung thời hạn nộp tiền sử dụng khu vực biển để đảm bảo thống nhất giữa pháp luật về thuế và pháp luật về quản lý thuế.

Lý do lựa chọn giải pháp

- Luật Quản lý thuế hiện hành chưa quy định cụ thể về thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa phải phân tích, giám định; hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan; hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan. Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định rõ về thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa phải phân tích, giám định, hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan; hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 7 Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính. Đồng thời cần bổ sung quy định thời hạn nộp thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp: hàng hóa được phép đăng ký tờ khai hải quan mới; hàng hóa nhập khẩu được cơ quan hải quan cho phép đưa về bảo quản để chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành; Thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định để có căn cứ xử lý các vướng mắc trong thực tế (nếu có).

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 55 Luật Quản lý thuế: Đối với các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước từ đất, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài thì thời hạn nộp theo quy định của Chính phủ.

Chính phủ ban hành Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp. Theo quy định tại Nghị định thì Cơ quan thuế thực hiện thu các khoản thu này theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý thuế và quy định tại Nghị định này; việc khai nộp ngân sách nhà nước thực hiện theo từng lần phát sinh số phải nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và pháp luật về quản lý thuế, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

- **Giải pháp 2:** Về việc xử lý đối với tiền chậm nộp tiền thuế, đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung: Sửa đổi quy định về thời gian tính tiền chậm nộp thống nhất quy tắc về thời gian tính tiền chậm nộp, trường hợp phải nộp tiền chậm nộp; sửa đổi, bổ sung quy định về các trường hợp không tính tiền chậm nộp; bổ sung quy định tính tiền chậm nộp khi doanh nghiệp nộp thuế sau khi thực hiện khoanh nợ; sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 59 Luật Quản lý thuế để bao quát hết các trường hợp xác định giảm nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế; thẩm quyền Chính phủ quy định cụ thể hồ sơ và thẩm quyền miễn tiền chậm nộp thuế đối với trường hợp bất khả kháng.

Lý do lựa chọn giải pháp

+ Về các trường hợp không tính tiền chậm nộp thuế: Cần thiết phải sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 59 về các trường hợp không tính tiền chậm nộp để phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 55 Luật quản lý thuế.

Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 81 và điểm b khoản 4 Điều 89 Luật quản lý ngoại thương thì thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp được áp dụng hiệu lực trở về trước trong thời hạn 90 ngày trước khi áp dụng thuế bán phá giá tạm thời hoặc thuế chống trợ cấp tạm thời. Hiện nay chưa có quy định trong trường hợp này sẽ phải tính tiền chậm nộp hay không, do đó phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. Do đó cần thiết phải quy định trường hợp hàng hóa nhập khẩu bị áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp có hiệu lực trở về trước 90 ngày theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương thì không tính tiền chậm nộp trong thời hạn 90 ngày trở về trước.

+ Về việc tính tiền chậm nộp thuế đối với trường hợp dừng việc khoanh nợ: Điều 59 Luật quản lý thuế chưa quy định việc tính tiền chậm nộp đối với các trường hợp dừng quyết định khoanh nợ. Do đó, cần thiết bổ sung quy định việc tính tiền chậm nộp khi cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định chấm dứt thời gian được khoanh nợ để quy định việc tính tiền chậm nộp khi doanh nghiệp nộp

thuế sau khi thực hiện khoan nợ.

- Theo quy định tại khoản 7 Điều 59 Luật Quản lý thuế, người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện số tiền thuế phải nộp giảm thì được điều chỉnh số tiền chậm nộp đã tính tương ứng với số tiền chênh lệch giảm.

- **Giải pháp 3:** Đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hướng: Người nộp thuế được quyền lựa chọn khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt để thanh toán. Trong trường hợp NNT không lựa chọn, Cơ quan thuế sẽ thực hiện thanh toán các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo thứ tự các khoản có hạn nộp xa nhất trước.

Lý do lựa chọn giải pháp

Hiện nay theo quy định tại điều 57 nêu trên, trong việc thực hiện nộp/ thanh toán tiền thuế đang không hỗ trợ NNT tự lựa chọn các khoản thuế mà họ muốn thanh toán, NNT phải lựa chọn thanh toán bắt buộc theo thứ tự đã được quy định tại Luật QLT dẫn đến khó khăn cho NNT khi thực hiện thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt. Ngoài ra, quy định này cũng không phù hợp với việc quy định về NNT được quyền tự khai, tự nộp thuế. Sửa đổi theo hướng thuận lợi cho người nộp thuế, người nộp thuế được lựa chọn thanh toán các khoản phải nộp theo ID, tuy nhiên vẫn cần nguyên tắc về các yêu cầu người nộp thuế thanh toán theo các thứ tự nhất định như thanh toán trước các khoản thuộc đối tượng bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế để đảm bảo tính nghiêm minh theo các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước.

- **Giải pháp 4:** Xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa.

Lý do lựa chọn giải pháp

Điều 60 Luật Quản lý thuế quy định về việc xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, trong đó có quy định về các trường hợp không hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa.

Quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Quản lý thuế chưa rõ thủ tục hoàn thuế trong trường hợp nộp thừa thì thực hiện theo quy định nào, đồng thời thời hạn giải quyết hoàn thuế nộp thừa chưa thống nhất với thủ tục hoàn thuế khác. Vì vậy, cần bổ sung quy định thủ tục hoàn thuế nộp thừa cùng với thủ tục hoàn thuế khác và bỏ thời hạn hoàn thuế tại Điều 60 Luật Quản lý thuế để thực hiện thống nhất thủ tục, thời hạn xử lý về hoàn thuế tại Chương VIII Luật này và không tăng thủ tục hành chính cho người nộp thuế.

Trường hợp người nộp thuế đã nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước sau đó vì nhiều lý do bất khả kháng như chính sách thuế tại thời điểm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước chưa rõ ràng; chính sách thuế thay đổi dẫn đến được miễn, giảm thuế; Nhà nước thu hồi đất (không bao gồm trường hợp thu hồi đất của người nộp thuế này để cho người nộp thuế khác thuê lại); cơ quan nhà nước xác định sai giá đất, diện tích dẫn đến phải xác định lại nghĩa vụ làm giảm số phải nộp... dẫn đến phát sinh số tiền thuế nộp thừa. Vì vậy, ngày phát sinh số nộp thừa

phải là ngày cơ quan có thẩm quyền xác định lại số tiền thuế phải nộp, ngày cơ quan thuế ban hành quyết định miễn, giảm, ngày Nhà nước thu hồi đất.... Nếu xác định ngày phát sinh số nợ thừa theo ngày người nộp thuế nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 60 Luật Quản lý thuế là không phù hợp do tại ngày nộp tiền chưa phát sinh khoản nợ thừa, nếu cơ quan nhà nước có văn bản làm giảm số thuế phải nộp sau thời điểm 10 năm kể từ ngày người nộp thuế nộp tiền vào ngân sách nhà nước thì người nộp thuế sẽ không có số nợ thừa, từ đó làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người nộp thuế.

- **Giải pháp 5:** Đề xuất bổ sung quy định về việc người nộp thuế thực hiện tính số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt không phải là cơ quan thuế.

Lý do lựa chọn giải pháp

Theo quy định tại khoản 1 Điều 61 thì “*Trong thời gian giải quyết khiếu nại, khởi kiện của người nộp thuế về số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt do cơ quan quản lý thuế tính hoặc ấn định, người nộp thuế vẫn phải nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đó, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ thực hiện quyết định tính thuế, quyết định ấn định thuế của cơ quan quản lý thuế.*” Như vậy, đối với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt do cơ quan quản lý thuế tính thì người nộp thuế vẫn phải nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước. Vậy trong trường hợp số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt do cơ quan khác tính thì chưa có quy định cụ thể xử lý như thế nào. (Ví dụ: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định về việc thu tiền sử dụng đất, trong Quyết định đã có giá trị thừa đất và số tiền cần phải thu, cơ quan thuế chỉ là đơn vị tiếp nhận và ban hành Thông báo đến NNT).

- **Giải pháp 6:** Đề xuất sửa đổi quy định về gia hạn nộp thuế

Lý do lựa chọn giải pháp

- Nghiên cứu sửa đổi cụm từ quy định “gia hạn nộp thuế” thành “Gia hạn tiền thuế nợ” (theo đó sửa tại các Điều 62, 63, 64, 65 thống nhất); Bỏ cụm từ “không bị phạt” tại Khoản 4 Điều 62 vì không còn phù hợp với quy định hiện tại; bổ sung thẩm quyền gia hạn cho thủ trưởng CQT quản lý trực tiếp hoặc CQT quản lý khoản thu; để bao quát xử lý gia hạn đối với thuế và các khoản thu khác thuộc NSNN do cơ quan quản lý thuế quản lý thu.

- Để đảm bảo đối tượng, loại thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước, thời gian, trình tự thủ tục, thẩm quyền, hồ sơ gia hạn nộp thuế được giao cho Chính phủ quy định riêng, đặc thù theo từng thời kỳ và không bị điều chỉnh theo Điều 64 và Điều 65 Luật Quản lý thuế, đề xuất sửa đổi Điều 63 Luật Quản lý thuế theo hướng: Trong từng thời kỳ nhất định, Chính phủ quyết định việc gia hạn nộp thuế cho các đối tượng, ngành, nghề kinh doanh gặp khó khăn đặc biệt (quy định đối tượng, loại thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước, thời gian, trình tự thủ tục, thẩm quyền, hồ sơ gia hạn nộp thuế trong trường hợp đặc biệt). Việc gia hạn nộp thuế không dẫn đến điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định.

7. Chính sách 7: Hoàn thiện quy định về hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

7.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCDTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

- Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới.

7.2. Nội dung của chính sách

- Nghiên cứu sửa đổi Chương trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo hướng sửa lại thành “hoàn thành nghĩa vụ thuế” đảm bảo nguyên tắc thu đúng, thu đủ tiền thuế vào ngân sách nhà nước.

- Hoàn thiện các quy định về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong các trường hợp: giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động; tổ chức lại doanh nghiệp; người nộp thuế đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi (Điều 67, Điều 68, Điều 69).

- Nghiên cứu bổ sung quy định khoản 3 Điều 70 về trường hợp hoàn thuế đối với cá nhân là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì người được thừa kế, người giám hộ theo quy định của pháp luật dân sự được làm thủ tục để nhận phần thuế được hoàn theo quy định của pháp luật dân sự.

- Nghiên cứu sửa đổi khoản 1 Điều 77 theo hướng cơ quan thuế thực hiện thanh tra, kiểm tra theo nguyên tắc rủi ro đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước trong thời hạn 5 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế. Việc lựa chọn hồ sơ hoàn thuế trước có rủi ro đề tiến hành TTKT phù hợp với nguyên tắc.

7.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- ***Giải pháp 1:*** Nghiên cứu sửa đổi Chương trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo hướng sửa lại thành “hoàn thành nghĩa vụ thuế” đảm bảo nguyên tắc thu đúng, thu đủ tiền thuế vào ngân sách nhà nước.

Lý do lựa chọn giải pháp

Nghiên cứu bổ sung các quy định:

- Trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế theo hướng quy định cụ thể việc hoàn thành nghĩa vụ thuế theo đối tượng (tổ chức, cá nhân), do nguyên tắc quản lý thuế theo đối tượng là khác nhau, trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế của các đối tượng là khác nhau (cá nhân chịu trách nhiệm toàn bộ; người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, cổ đông của Công ty cổ phần ... chịu trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp).

- Các trường hợp phải hoàn thành nghĩa vụ thuế (trước khi thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp; chấm dứt sự tồn tại của

pháp nhân đối với doanh nghiệp, tổ chức/chấm dứt nghĩa vụ thuế đối với cá nhân).

- Thời điểm phải hoàn thành nghĩa vụ thuế.

- Loại nghĩa vụ thuế phải hoàn thành theo đối tượng tổ chức/cá nhân:

+ Nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế

+ Nộp đầy đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc NSNN trừ trường hợp áp dụng quy định về kế thừa nghĩa vụ khi giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật có liên quan (Luật Doanh nghiệp, Luật phá sản, Luật Tổ chức tín dụng...)

+ Đề nghị hoàn trả số tiền thuế, các khoản thu khác thuộc NSNN nộp thừa (trừ trường hợp được chuyển nghĩa vụ thuế).

- Quy định về trách nhiệm của NNT và biện pháp xử lý vi phạm khi NNT không thực hiện đầy đủ việc hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định;

- Quy định các trường hợp được phép chuyển nghĩa vụ thuế trên cơ sở đánh giá Nghị định số 126/2020/NĐ-CP đối với các trường hợp:

+ Thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thì được chuyển nghĩa vụ thuế đối với: số tiền thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết để bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phát sinh tại cơ quan thuế nơi chuyển đến; số thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp nhưng chưa đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế để bù trừ với số phải nộp theo hồ sơ khai quyết toán thuế.

+ Chấm dứt sự tồn tại của pháp nhân đối với doanh nghiệp, tổ chức/chấm dứt nghĩa vụ thuế đối với cá nhân (trong các trường hợp chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc giải thể, phá sản, bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất) thì được chuyển nghĩa vụ thuế cho NNT có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp đối với: số tiền thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết; các khoản nợ thuế; các khoản nộp thừa. Đồng thời, cá thể hóa trách nhiệm của cá nhân là người đại diện pháp luật, chủ doanh nghiệp, người đứng đầu tổ chức khi doanh nghiệp, tổ chức không hoàn thành nghĩa vụ thuế (cụ thể hóa khoản 3 Điều 67 Luật QLT số 38/2019/QH14).

- Quy định các trường hợp, trách nhiệm xác nhận số thuế đã nộp, nghĩa vụ đã khai thuế hoặc nghĩa vụ của NNT tại cơ sở dữ liệu của CQT. (Bổ sung thêm 1 Điều đối với Tổ chức và 1 Điều đối với Cá nhân).

8. Chính sách 8: Hoàn thiện quy định về thủ tục hoàn thuế.

8.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

- Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong

giai đoạn tới.

8.2. Nội dung của chính sách

- Bổ sung quy định về “ cơ quan quản lý thuế” để bao gồm cả việc hoàn trả tiền thuế nộp thừa của cơ quan hải quan. (Điều 70)

- Đề xuất nghiên cứu sửa đổi quy định về việc tiếp nhận, phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế và phân loại hồ sơ hoàn thuế (Điều 72, Điều 73)

- Đề nghị nghiên cứu sửa đổi tăng thời hạn giải quyết hoàn thuế và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giải quyết hoàn thuế (Điều 75).

- Sửa đổi chức danh, sửa đổi thẩm quyền hoàn thuế do có sự thay đổi của bộ máy, tổ chức.(Điều 76)

8.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- **Giải pháp 1:** Bổ sung quy định về “ cơ quan quản lý thuế” để bao gồm cả việc hoàn trả tiền thuế nộp thừa của cơ quan hải quan tại khoản 2 Điều 70.

Lý do lựa chọn giải pháp

Điều 60 Luật QLT quy định cơ quan quản lý thuế thực hiện xử lý đối với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa bằng các hình thức: bù trừ số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế còn nợ, trừ vào số tiền thuế của lần nộp thuế tiếp hoặc hoàn trả số tiền nộp thừa. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 70 Luật QLT chỉ quy định cơ quan thuế hoàn trả tiền nộp thừa với trường hợp người nộp thuế có số tiền đã nộp ngân sách nhà nước lớn hơn số phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 60 của Luật QLT. Do đó, bổ sung quy định hoàn nộp thừa cho cơ quan hải quan.

Nghiên cứu bổ sung quy định khoản 3 Điều 70 về trường hợp hoàn thuế đối với cá nhân là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì người được thừa kế, người giám hộ theo quy định của pháp luật dân sự được làm thủ tục để nhận phần thuế được hoàn theo quy định của pháp luật dân sự.

- **Giải pháp 2:** Đề xuất nghiên cứu sửa đổi quy định về việc tiếp nhận, phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế và phân loại hồ sơ hoàn thuế

Lý do lựa chọn giải pháp

Sửa đổi quy định về hoàn nộp thừa theo hướng NNT không phải nộp hồ sơ đề nghị hoàn đến cơ quan thuế mà chỉ cần đề nghị hoàn trên hồ sơ khai thuế và được cơ quan thuế tự động hoàn trả (không qua thủ tục phân loại hồ sơ) cho NNT nếu khoản nộp thừa đã được hệ thống của cơ quan thuế xác định đầy đủ, chính xác như thuế TNCN từ tiền lương, tiền công của cá nhân trực tiếp quyết toán thuế tại các Điều tương ứng tại Chương này (Điều 71, 72, 73) và thực hiện hoàn thuế tự động cho NNT.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nội dung tại khoản 1 Điều 72 Luật Quản lý thuế để bổ sung quy định trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư khác tính thì cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với dự án đầu tư là cơ quan thuế

tại địa bàn nơi có dự án đầu tư. Đối với dự án đầu tư đi qua nhiều tỉnh thì cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với dự án đầu tư là cơ quan thuế tại địa bàn nơi có dự án đầu tư và nơi có Ban quản lý dự án. Đối với các dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí thì cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với dự án đầu tư là cơ quan thuế nơi đặt văn phòng điều hành, công ty điều hành chung, công ty liên doanh do đặc thù dự án tìm kiếm thăm dò là dự án nằm ở ngoài khơi, không có căn cứ để xác định theo địa giới hành chính.

Nghiên cứu sửa tên và nội dung của Điều 72 để bao gồm cả công tác phân loại, giải quyết hồ sơ hoàn thuế (**bao gồm cả hoàn thuế nộp thừa**) như nội dung đã được quy định tại Luật số 56/2024/QH15 và các định hướng nêu trên.

(i) Theo quy định tại Điều 73 Luật QLT cơ quan thuế phải phân tích hồ sơ hoàn thuế xem có thuộc trường hợp kiểm tra trước hay không thì mới thực hiện phân loại hồ sơ hoàn thuế nên không thể đề nội dung phân loại trước nội dung chấp nhận hồ sơ như quy định tại khoản 3 Điều 72. Vì vậy, cần bỏ quy định phân loại hồ sơ hoàn thuế tại khoản 3 Điều 72 để thực hiện khi giải quyết hồ sơ hoàn thuế (sau khi hồ sơ hoàn đã được chấp nhận). Đồng thời, rút ngắn thời gian kiểm tra để chấp nhận hay không chấp nhận từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc do đã bỏ công việc phân loại hồ sơ hoàn thuế.

Tại Điều 72 Luật QLT chưa có quy định cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng của dự án đầu tư khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với nơi đóng trụ sở chính. Để quản lý được dự án đầu tư ngay khi được cấp phép thì cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ khai thuế là Cục Thuế nơi có dự án đầu tư hoặc Cục Thuế nơi có chi nhánh, Ban quản lý dự án được giao quản lý dự án đối với trường hợp dự án đầu tư thực hiện trên nhiều tỉnh. Vì vậy, cần có quy định cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn là cơ quan thuế đã tiếp nhận hồ sơ khai thuế của dự án đầu tư. Do đặc thù dự án tìm kiếm thăm dò chưa có căn cứ để xác định địa chính hành chính. Địa điểm nộp hồ sơ theo nguyên tắc khai thuế tại nơi có dự án đầu tư.

(ii) Khoản 2 Điều 73 Luật QLT quy định hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế bao gồm: Hồ sơ của người nộp thuế đề nghị hoàn thuế lần đầu của từng trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; Hồ sơ của người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 năm kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế; Hồ sơ hoàn thuế thuộc loại rủi ro về thuế cao theo phân loại quản lý rủi ro trong quản lý thuế... Luật QLT chưa quy định rõ về việc phân loại hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Do đó, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung quy định về phân loại hồ sơ hoàn thuế tại Điều 73 Luật QLT để đảm bảo phù hợp với công tác phân loại hồ sơ hoàn thuế của cơ quan hải quan.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp không có quy định trường hợp bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp nhà nước. Điều 73 Luật QLT chưa có quy định phân loại hoàn thuế đối với trường hợp chấm dứt hợp đồng nhà thầu nước ngoài, chấm dứt hợp đồng dầu khí, chấm dứt hiệp định dầu khí. Hiện nay, việc phân loại hồ sơ hoàn thuế được quy định tại Điều 73 Luật QLT không có quy định phân loại hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn đối với trường hợp hoàn thuế theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Do đối tượng áp dụng Hiệp định thuế và Điều ước quốc tế khác bao gồm nhiều nhà thầu

nước ngoài, hoạt động kinh doanh ở Việt Nam trong thời gian rất ngắn nên việc kiểm tra trước, hoàn thuế sau là cần thiết. Bên cạnh đó, một đối tượng có thể có nhiều lần đề nghị hoàn thuế theo Hiệp định thuế với nội dung và tính chất khác nhau từ việc áp dụng các điều khoản khác nhau tại Hiệp định thuế như tiền bản quyền, lãi tiền vay, thu nhập từ bán hàng hóa, dịch vụ... Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 73 Luật Quản lý thuế quy định hồ sơ hoàn thuế thu nhập cá nhân do theo quy định hiện hành thì hoàn thuế chỉ áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ các tổ chức trả thu nhập tại Việt Nam thì cơ quan thuế đã tổng hợp được thu nhập và số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ thông qua hồ sơ khai quyết toán thuế của tổ chức trả thu nhập đó, do đó, rủi ro về thuế không cao nên áp dụng nguyên tắc hoàn trước kiểm sau là phù hợp và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân cũng như cơ quan thuế trong việc xử lý hoàn thuế. Bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 73 quy định hồ sơ hoàn thuế của cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh trong trường hợp số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế do nhà quản lý các sàn TMĐT, nền tảng số đã khấu trừ, nộp thuế thay là hồ sơ hoàn thuế trước, kiểm tra sau. HOẶC phân loại hồ sơ hoàn nộp thừa là hồ sơ hoàn thuế trước, kiểm tra sau.

Nghiên cứu sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Quản lý thuế để loại trừ trường hợp hoàn thuế lần đầu đối với hồ sơ hoàn nộp thừa nhằm phù hợp với thực tế và tạo thuận lợi cho NNT do việc xác định số thuế nộp thừa để hoàn trả đã được cơ quan thuế theo dõi đầy đủ nên không cần kiểm tra trước hoàn khi NNT đề nghị hoàn lần đầu mà không có vi phạm khác.

Nghiên cứu bổ sung riêng một khoản quy định về phân loại hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu ***chỉ áp dụng riêng cho cơ quan hải quan***. Nghiên cứu bổ sung thêm trường hợp: *“Hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, người nộp thuế thực hiện thanh toán qua ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật nhưng tại thời điểm nộp hồ sơ hoàn thuế, khách hàng nước ngoài chưa thanh toán cho doanh nghiệp”* thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau trên cơ sở kiến nghị của đoàn đại biểu quốc hội tỉnh Đồng Nai.

Nghiên cứu sửa quy định về phân loại hồ sơ hoàn thuế tại Điều 73 Luật Quản lý thuế đảm bảo phù hợp với định hướng nêu trên và bỏ quy định phân loại đối với hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không thực hiện thanh toán qua ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật về thuế GTGT là không thanh toán qua ngân hàng thì không được hoàn thuế.

(iii) Hoàn thuế TNCN là hoàn tiền thuế đã nộp thừa, hệ thống ứng dụng CNTT đã hỗ trợ cơ quan thuế trong việc tổng hợp thu nhập của cá nhân, do đó, cơ quan thuế có thể biết được cá nhân đó có nộp thừa hay còn phát sinh số tiền thuế còn phải nộp. Bên cạnh đó, theo quy định hiện hành, khi cá nhân thực hiện quyết toán thuế thì phải nộp kèm các tài liệu để chứng minh thu nhập, số thuế đã nộp, đã khấu trừ, các khoản giảm trừ... Trong quá trình giải quyết hoàn thuế, cơ quan thuế sẽ kiểm tra các tài liệu chứng minh này. Vì vậy, đề nghị đối với phân loại hồ sơ hoàn thuế TNCN đối với cá nhân trực tiếp quyết toán không phân loại

kiểm tra trước hoàn mà chỉ thực hiện hoàn thuế ngay sau khi hệ thống CNTT đổi chiều, kiểm tra hồ sơ, thông tin của người nộp thuế.

Như vậy, về việc kiểm tra sau hoàn thuế đối với các hồ sơ hoàn thuộc diện hoàn thuế trước theo nguyên tắc rủi ro trong quản lý thuế đã được quy định trong cụ thể tại Điều 77 Luật QLT.

- **Giải pháp 3:** Đề nghị nghiên cứu sửa đổi tăng thời hạn giải quyết hoàn thuế và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giải quyết hoàn thuế.

Lý do lựa chọn giải pháp

- Để có đủ thời gian giải quyết hồ sơ hoàn thuế, áp dụng các biện pháp nghiệp vụ kiểm tra thuế đề nghị tăng thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế nói chung và hồ sơ hoàn thuế theo Hiệp định thuế nói riêng. Miễn giảm thuế và hoàn thuế theo Hiệp định thuế và Điều ước quốc tế (ĐUQT) có những đặc thù riêng khác biệt với các đối tượng NNT khác. Nhà đầu tư nước ngoài/cá nhân nước ngoài có thể rời khỏi Việt Nam bất cứ lúc nào nên việc giải quyết hồ sơ miễn, giảm và hoàn thuế Hiệp định thuế và ĐUQT cần giải quyết thận trọng, đảm bảo tránh thất thu thuế khi đối tượng này về nước.

Hồ sơ miễn, giảm, hoàn thuế theo Hiệp định thuế và ĐUQT thường có tính chất phức tạp. Khi giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế cần thu thập đầy đủ thông tin, xác định đúng đối tượng áp dụng Hiệp định thuế, xem xét kỹ từng Hợp đồng và thực tế thực hiện Hợp đồng, thực tế hoạt động kinh doanh của đối tượng đề nghị miễn, giảm thuế trên phạm vi toàn quốc chứ không chỉ ở một địa phương cụ thể.

Do đó, thời hạn 40 ngày giải quyết hồ sơ hoàn thuế và 30 ngày (40 ngày trường hợp kiểm tra thực tế) giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế và ĐUQT là khó có thể đảm bảo về mặt thời gian giải quyết trên thực tế. Theo thông lệ quốc tế, Philippines quy định thời gian giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế theo Hiệp định trong vòng 04 tháng, tuy nhiên tùy vào việc tồn đọng công việc của cơ quan thuế thì thời gian này có thể kéo dài lâu hơn.

- Số lượng hồ sơ đề nghị hoàn trả nộp thừa cơ quan thuế tiếp nhận và phải giải quyết hàng năm rất lớn, tập trung chủ yếu vào thời điểm quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công. Thống kê năm 2023, có 360.633 hồ sơ đề nghị hoàn nộp thừa, chiếm 95% tổng số hồ sơ đề nghị hoàn; trong đó, 96% hồ sơ đề nghị hoàn nộp thừa là hoàn thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công. Với số lượng hồ sơ lớn, thời hạn giải quyết hoàn theo quy định không quá 06 ngày làm việc đối với hồ sơ hoàn trước dẫn đến áp lực rất lớn về giải quyết hồ sơ cho cán bộ, công chức thuế. Để đảm bảo quyền lợi được giải quyết hồ sơ hoàn thuế nộp thừa đúng thời hạn cho người nộp thuế và chuyển đổi số trong giải quyết hồ sơ hoàn thuế của cơ quan thuế, Tổng cục Thuế nghiên cứu, đề xuất giải pháp hệ thống tự động thực hiện hoàn thuế nộp thừa cho người nộp thuế mà không cần can thiệp của cán bộ, công chức thuế đối với NNT không có rủi ro, thuộc diện hoàn trước kiểm tra sau để giảm tải các bước công việc mà con người phải thực hiện trong quá trình giải quyết hoàn thuế. Qua rà soát, cần sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 76 Luật Quản lý thuế hiện hành để giao thẩm quyền cho cơ quan thuế thực hiện việc hoàn thuế cho người nộp thuế theo phương thức tự động nếu không

thuộc diện có rủi ro cao về thuế.

Nghiên cứu sửa quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế tại Điều 75 Luật Quản lý thuế theo hướng khi chuyển từ hồ sơ hoàn trước sang kiểm trước thì không tính thời hạn NNT giải trình, bổ sung thông tin tài liệu vào thời gian giải quyết hồ sơ hoàn thuế, thời gian gia hạn, giãn, hoãn kiểm tra không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ hoàn thuế. Đồng thời, bổ sung quy định hết thời hạn giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu mà người nộp thuế không giải trình đối với hồ sơ hoàn nộp thừa thì cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoàn thuế do NNT không thực hiện theo đúng nội dung nêu tại Thông báo của cơ quan thuế.

Bổ sung trách nhiệm của cơ quan thuế quản lý F1 đối với các trường hợp F1 chưa kê khai, nộp thuế khi cơ quan thuế giải quyết hồ sơ hoàn cho F0 đảm bảo phù hợp với Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15; đồng thời bổ sung trách nhiệm của các cơ quan có liên quan khi F1 có rủi ro cao trên cơ sở nghiên cứu Điều 34, Điều 35 Thông tư số 80/2021/TT-BTC để phù hợp với điều kiện khấu

- Giải pháp 4: - Sửa đổi chức danh, sửa đổi thẩm quyền hoàn thuế do có sự thay đổi của bộ máy, tổ chức.(Điều 76)

Lý do lựa chọn giải pháp

Số lượng hồ sơ đề nghị hoàn trả nộp thừa cơ quan thuế tiếp nhận và phải giải quyết hàng năm rất lớn, tập trung chủ yếu vào thời điểm quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công. Thống kê năm 2023, có 360.633 hồ sơ đề nghị hoàn nộp thừa, chiếm 95% tổng số hồ sơ đề nghị hoàn; trong đó, 96% hồ sơ đề nghị hoàn nộp thừa là hoàn thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công. Với số lượng hồ sơ lớn, thời hạn giải quyết hoàn theo quy định không quá 06 ngày làm việc đối với hồ sơ hoàn trước dẫn đến áp lực rất lớn về giải quyết hồ sơ cho cán bộ, công chức thuế. Để đảm bảo quyền lợi được giải quyết hồ sơ hoàn thuế nộp thừa đúng thời hạn cho người nộp thuế và chuyển đổi số trong giải quyết hồ sơ hoàn thuế của cơ quan thuế, Tổng cục Thuế nghiên cứu, đề xuất giải pháp hệ thống tự động thực hiện hoàn thuế nộp thừa cho người nộp thuế mà không cần can thiệp của cán bộ, công chức thuế đối với NNT không có rủi ro, thuộc diện hoàn trước kiểm tra sau để giảm tải các bước công việc mà con người phải thực hiện trong quá trình giải quyết hoàn thuế.

Thời gian qua, số lượng hồ sơ hoàn thuế TNCN của cá nhân trực tiếp quyết toán tăng lên gây áp lực lớn cho cơ quan thuế trong việc giải quyết hoàn thuế TNCN. Do đó, cần phải đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác giải quyết hoàn thuế nhằm phục vụ cho công tác quản lý thuế, đẩy mạnh việc thực hiện chuyển đổi số, áp dụng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý thuế, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người nộp thuế trong việc hoàn thuế TNCN và giảm áp lực cho cơ quan thuế, cán bộ thuế trong việc giải quyết hoàn thuế.

Nghiên cứu sửa đổi quy định về thẩm quyền hoàn thuế đối với: Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực (khoản 11 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15); Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan (khoản 3 Điều 76 Luật QLT); Bộ trưởng Bộ Tài chính (khoản 4 Điều 76

Luật QLT) là thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp NNT để thống nhất với quy định tại Điều 72 Luật Quản lý thuế, cho phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy. Bổ sung quy định Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng nhà thầu nước ngoài, chấm dứt hợp đồng dầu khí, chấm dứt hiệp định quyết định việc hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế để tránh trùng lặp công việc cho cơ quan thuế và người nộp thuế trong cùng thẩm quyền giải quyết hoàn thuế.

- Bổ sung thẩm quyền cho cơ quan thuế thực hiện việc hoàn thuế cho người nộp thuế theo phương thức tự động nếu không thuộc diện có rủi ro cao về thuế và đối với hồ sơ hoàn thuế thu nhập của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế được thực hiện kiểm tra, đối chiếu và giải quyết hoàn thuế tự động trên hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của ngành thuế.

- Nghiên cứu bổ sung việc áp dụng điều kiện hoàn thuế tự động như quy định cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định hoàn, lệnh hoàn hoặc ký nhân danh từ hệ thống xử lý tự động.

- Nghiên cứu bổ sung quy định Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động để tránh trùng lặp công việc cho cơ quan thuế và người nộp thuế trong cùng thẩm quyền giải quyết hoàn thuế.

Nghiên cứu bổ sung tại khoản 2 theo hướng: Đối với hồ sơ hoàn thuế thu nhập của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế được thực hiện kiểm tra, đối chiếu và giải quyết hoàn thuế tự động trên hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của ngành thuế mà không cần phải Thủ trưởng ký quyết định hoàn thuế.

Nghiên cứu bổ sung trường hợp không có rủi ro thì hồ sơ hoàn thuế diện hoàn trước sẽ được thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế để thống nhất với quy định khác và phù hợp với năng lực giải quyết của cơ quan thuế.

9. Chính sách 9: Sửa đổi quy định về không thu thuế, miễn thuế, giảm thuế; xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt cho phù hợp với thực tế và quy định mới của pháp luật có liên quan.

9.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

- Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới.

9.2. Nội dung của chính sách

- Nghiên cứu bổ sung quy định về không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. (Điều 78)

- Quy định cụ thể về ngưỡng giá trị để cho phép NNT được miễn các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (Điều 79)

- Hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế (Điều 82, Điều 81)

- rà soát, sửa đổi quy định các trường hợp được khoan tiền thuế nợ để phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện. Theo đó, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục, hồ sơ, thời gian, thẩm quyền khoan nợ phù hợp (Điều 83, Điều 84)

- Sửa đổi, bổ sung quy định về trường hợp xóa nợ, thẩm quyền xóa nợ để phù hợp với thực tiễn (Điều 85, Điều 87)

9.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- **Giải pháp 1:** Nghiên cứu bổ sung quy định về không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật QLT hiện hành chưa quy định bao quát hết các trường hợp không thu thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Theo quy định tại Điều 37a được bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP quy định các trường hợp không thu thuế bao gồm: Không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng hoàn thuế nhưng chưa nộp thuế; không thu thuế đối với hàng hoá không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu.

- **Giải pháp 2:** Hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế.

Lý do lựa chọn giải pháp

(i) Điều 5 Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định về giảm thuế như sau: “Đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp”. Tuy nhiên, pháp luật quản lý thuế hiện hành chưa quy định cụ thể đối với nơi nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp người nộp thuế là cá nhân có hồ sơ xét giảm thuế thu nhập cá nhân, người nộp thuế gặp khó khăn trong việc xác định cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu.

(ii) Quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ miễn giảm thuế (30 ngày, trường hợp kiểm tra thực tế là 40 ngày) áp dụng chung cho tất cả người nộp thuế.

Tuy nhiên, đối với trường hợp miễn giảm thuế theo Hiệp định thuế và Điều ước quốc tế (ĐUQT) có những đặc thù riêng khác biệt với các đối tượng NNT khác. Nhà đầu tư nước ngoài/cá nhân nước ngoài có thể rời khỏi Việt Nam bất cứ lúc nào nên việc giải quyết hồ sơ miễn, giảm theo Hiệp định thuế và ĐUQT cần giải quyết thận trọng, đảm bảo tránh thất thu thuế khi đối tượng này về nước.

Hồ sơ miễn, giảm theo Hiệp định thuế và ĐUQT thường có tính chất phức

tạp. Khi giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế cần thu thập đầy đủ thông tin, xác định đúng đối tượng áp dụng Hiệp định thuế, xem xét kỹ từng Hợp đồng và thực tế thực hiện Hợp đồng, thực tế hoạt động kinh doanh của đối tượng đề nghị miễn, giảm thuế trên phạm vi toàn quốc chứ không chỉ ở một địa phương cụ thể.

Trong nhiều trường hợp, Cục Thuế thụ lý giải quyết hồ sơ không có đủ nguồn thông tin để giải quyết hồ sơ và có công văn đề nghị Tổng cục Thuế tiến hành trao đổi với cơ quan thuế nước ngoài để thu thập/xác minh thông tin.

Do đó, thời hạn 30 ngày (40 ngày trường hợp kiểm tra thực tế) giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế và ĐUQT là khó có thể đảm bảo về mặt thời gian giải quyết trên thực tế.

Nghiên cứu bổ sung điểm c khoản 2 Điều 79 theo hướng: cho phép NNT được miễn các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt có giá trị nhỏ hơn một ngưỡng nào đó.

- **Giải pháp 3:** Rà soát, sửa đổi quy định các trường hợp được khoan tiền thuế nợ, thủ tục, hồ sơ, thời gian, thẩm quyền khoan nợ phù hợp.

Lý do lựa chọn giải pháp

Nghiên cứu bổ sung Thông báo thuộc diện được miễn giảm thay cho Quyết định miễn giảm áp dụng cho hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Điều ước quốc tế khác.(Điều 82)

Do thời gian khoan được tính từ ngày cơ quan quản lý thuế có văn bản thông báo trên toàn quốc về việc người nộp thuế hoặc đại diện theo pháp luật của người nộp thuế không hiện diện tại địa chỉ kinh doanh dẫn đến đồng thời Cơ quan thuế phải thẩm định hồ sơ, ban hành quyết định khoan từ ngày có thông báo. Nếu đã khoan nợ ngay từ thời điểm có văn bản thông báo của cơ quan thuế thì sẽ không thực hiện được các biện pháp cưỡng chế theo quy định dẫn đến việc thu hồi nợ thuế không cao, không đồng nhất với quy định tại khoản 5 Điều 124.

Đề nghị bổ sung thẩm quyền khoan nợ đối với CQT quản lý khoản thu. Thực tế, nhiều trường hợp cơ quan thuế quản lý khoản thu có khoản nợ thuế đáp ứng điều kiện về khoan nợ theo quy định tại Điều 83, Luật Quản lý thuế nhưng không có thẩm quyền khoan nợ mà phải tập hợp hồ sơ gửi cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế quyết định việc khoan nợ dẫn tới công tác khoan nợ kéo dài do cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế phối hợp không kịp thời.

Luật hiện hành quy định để xác minh thông tin người nộp thuế không hiện diện tại địa bàn để làm căn cứ xem xét cho khoan nợ thì cơ quan quản lý thuế phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nộp thuế có trụ sở hoặc địa chỉ liên lạc. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều hồ sơ nợ thuế đã có Biên bản xác nhận giữa cơ quan hải quan với cơ quan Công an cấp xã, phường nơi người nộp thuế có trụ sở hoặc địa chỉ liên lạc về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh. Do đó, cần thiết bổ sung quy định về việc cơ quan quản lý thuế phối hợp với cơ quan Công an cấp xã, phường để xác minh thông tin về việc người nộp thuế có hiện diện hay không hiện diện tại địa bàn. Ngoài ra, đối với doanh

ng nghiệp nằm trong khu công nghiệp thì ban quản lý khu công nghiệp, đồn công an trong khu công nghiệp là cơ quan quản lý doanh nghiệp nên cần bổ sung quy định cơ quan quản lý thuế phối hợp với ban quản lý khu công nghiệp để xác minh thông tin về việc người nộp thuế có hiện diện hay không hiện diện tại địa bàn.

Điều 84 Luật QLT chưa có quy định về việc ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định khoan tiền thuế nợ. Vì vậy, bổ sung quy định thẩm quyền ban hành chấm dứt hiệu lực của quyết định khoan nợ.

- **Giải pháp 4:** Sửa đổi, bổ sung quy định về trường hợp xóa nợ, thẩm quyền xóa nợ để phù hợp với thực tiễn.

Lý do lựa chọn giải pháp

- Về công tác quản lý nợ, hiện nay mới chỉ có quy định trường hợp người nộp thuế là chủ doanh nghiệp tư nhân và công ty TNHH một thành viên đã được khoan nợ và nếu cơ quan thuế phát hiện người nộp thuế đó thành lập doanh nghiệp khác thì cơ quan thuế chấm dứt hiệu lực của quyết định khoan tiền thuế nợ và thực hiện tính lại tiền chậm nộp. Tuy nhiên, đối với trường hợp công ty cổ phần, công ty TNHH nhiều thành viên chưa có quy định cụ thể.

Thực tế có trường hợp người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, ra ngoài thành lập thêm nhiều doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh chưa có quy định rõ ràng để kiểm soát việc thành lập doanh nghiệp mới của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

- Đề nghị có sự hướng dẫn thống nhất các nội dung trong Luật Quản lý thuế có liên quan đến Luật Phá sản để cơ quan Thuế và các cơ quan khác có liên quan (Tòa án, Thi hành án) thuận lợi trong quá trình xử lý hồ sơ có các nội dung phải phối hợp xử lý.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 87 quy định *Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật này có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 10.000.000.000 đồng trở lên*; bỏ quy định khoản 4 Điều 87 phù hợp với định hướng của Chính phủ.

Điều 87 Luật quản lý thuế chưa có quy định về việc sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định xóa nợ do việc ban hành không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc do người nộp thuế sau khi được xóa nợ lại tiếp tục quay lại hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung quy định về sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định xóa nợ để đảm bảo căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện.

10. Chính sách 10: Hoàn thiện quy định về hoá đơn, chứng từ điện tử

10.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu

lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Đa dạng hoá, điện tử hoá hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế để đáp ứng nhu cầu theo từng nhóm người nộp thuế, thực hiện chủ trương xã hội hoá của Nhà nước, phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về hóa đơn điện tử nhằm ứng dụng được các giải pháp công nghệ thông tin, đáp ứng được các mục đích trong công tác quản lý.

- Hoàn thiện quy định để chuyển đổi số đảm bảo nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong công tác quản lý thuế.

10.2. Nội dung của chính sách

- Sửa đổi quy định về nguyên tắc lập, quản lý sử dụng hóa đơn điện tử và áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa cung cấp dịch vụ. (Điều 90, Điều 91)

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về hóa đơn điện tử nhằm ứng dụng được các giải pháp công nghệ thông tin, đáp ứng được các mục đích trong công tác quản lý (Điều 92, Điều 93, Điều 94)

10.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- **Giải pháp 1:** Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về hóa đơn điện tử nhằm ứng dụng được các giải pháp công nghệ thông tin, đáp ứng được các mục đích trong công tác quản lý.

Lý do lựa chọn giải pháp

- Nhằm ứng dụng được các giải pháp công nghệ thông tin trong khởi tạo, sử dụng chuỗi ký tự làm mã của cơ quan thuế trên hóa đơn đảm bảo tính duy nhất cho từng hóa đơn điện tử, đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 89 Luật Quản lý thuế theo hướng quy định: Mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử là một chuỗi ký tự do hệ thống của cơ quan thuế hoặc hệ thống của đơn vị do cơ quan thuế ủy quyền tạo ra duy nhất cho từng hóa đơn điện tử.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 90 Luật Quản lý thuế nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai thực tế khi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sử dụng đa dạng các giải pháp máy tính tiền khi lập hóa đơn giao cho người mua hàng (thông qua giải pháp thiết bị kỹ thuật hoặc giải pháp phần mềm công nghệ thông tin).

- Thực tế, ngoài hoạt động kinh doanh chính thuộc các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh theo quy định tại Luật Quản lý thuế thuộc đối tượng được sử dụng hóa đơn điện tử không mã, còn phát sinh các hoạt động kinh doanh khác, nếu quy định đối với hoạt động kinh doanh thuộc 15 lĩnh vực sử dụng hóa đơn không mã, còn hoạt động kinh doanh khác không đáp ứng 15 lĩnh vực thì sử dụng hóa đơn có mã sẽ dẫn đến doanh nghiệp phát sinh thêm chi phí đầu tư để xây dựng hệ thống đáp ứng cho cả sử dụng hóa đơn có mã và không có mã.

Tại khoản 4 Điều 91 quy định về cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh cho hộ kinh doanh, qua triển khai có phát sinh lớn.

- **Giải pháp 2:** Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về hóa đơn điện tử nhằm ứng dụng được các giải pháp công nghệ thông tin, đáp ứng được các mục đích trong công tác quản lý.

Lý do lựa chọn giải pháp

- Sửa đổi, bổ sung tên Điều 93 Luật Quản lý thuế thành: “*Cơ sở dữ liệu về hóa đơn, chứng từ điện tử*” và bổ sung nội dung quy định hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý dữ liệu về hoá đơn, chứng từ điện tử; quy định về thành phần dữ liệu, phương thức truyền nhận hóa đơn, chứng từ điện tử tại khoản 1 Điều 93 Luật Quản lý thuế để thống nhất với quy định về xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tại Chương XI Thông tin người nộp thuế và phù hợp với thực tế triển khai hoá đơn điện tử.

Nghiên cứu bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 93 Luật Quản lý thuế để bao quát đầy đủ phạm vi sử dụng hóa đơn điện tử của các cơ quan nhà nước, gồm: (1) thực hiện kiểm tra hàng hóa lưu thông trên thị trường (ví dụ cơ quan quản lý thị trường) và (2) thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ cơ quan công an tra cứu hóa đơn điện tử để thực hiện thủ tục cấp đăng ký, biển số xe).

- Hiện nay, trong công tác hoàn thuế thu nhập cá nhân thì các chứng từ khấu trừ, xác nhận thu nhập đang được sử dụng bằng bản giấy dẫn đến khó khăn trong công tác đối chiếu, xử lý. Do đó, đề xuất xem xét quy định phải sử dụng chứng từ điện tử đối với các tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập để cơ quan thuế quản lý và giải quyết hoàn thuế thu nhập cá nhân cho người nộp thuế (từ đó, cơ quan thuế tại nơi làm việc hay nơi cư trú của người nộp thuế cũng có thể tra cứu và giải quyết hồ sơ hoàn thuế, giảm thiểu lượng hồ sơ hoàn thuế thu nhập cá nhân tập trung tại một số cơ quan thuế như hiện nay). Đề xuất bổ sung cụm từ “tổ chức khác” tại khoản 1 Điều 94 Luật Quản lý thuế để bao quát đầy đủ cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao nhiệm vụ thu Ngân sách nhà nước; đồng thời bổ sung quy định tổ chức chi trả thu nhập hoặc Tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế thực hiện cấp chứng từ điện tử cho người nộp thuế và kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

11. Chính sách 11: Hoàn thiện quy định về thông tin người nộp thuế

11.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Sửa đổi quy định về thông tin về người nộp thuế để vừa đáp ứng yêu cầu quản lý thuế được công khai, minh bạch, vừa đáp ứng với quy định của pháp luật mới được ban hành và đồng bộ với pháp luật có liên quan.

- Đa dạng hoá, điện tử hoá hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế để đáp ứng nhu cầu theo từng nhóm người nộp thuế, thực hiện chủ trương xã hội hoá của Nhà nước, phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

- Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới.

11.2. Nội dung của chính sách

- Xây dựng, thu thập, xử lý và quản lý hệ thống tin người nộp thuế (Điều 96).

- Nghiên cứu bổ sung quy định trường hợp người nộp thuế phát hiện thông tin do cơ quan thuế cung cấp có sai khác với thông tin theo dõi của người nộp thuế thì NNT thực hiện thủ tục tra soát, điều chỉnh thông tin theo quy định. Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết

- Nghiên cứu hoàn thiện quy định về trách nhiệm tổ chức, cá nhân trong cung cấp thông tin NNT và bảo mật thông tin về người nộp thuế (Điều 98, Điều 99)

- Nghiên cứu bổ sung thêm một số Điều mới quy định theo định hướng chuyển đổi số như yêu cầu về bảo mật thông tin người nộp thuế; yêu cầu về công bố dữ liệu mở để khai thác dùng chung; bổ sung quy định về việc áp dụng AI trong quản lý thuế.

11.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- **Giải pháp 1:** Xây dựng, thu thập, xử lý và quản lý hệ thống tin người nộp thuế

Lý do lựa chọn giải pháp

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật Quản lý thuế theo hướng cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm tổ chức xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ thu thập, xử lý, kết nối dữ liệu và quản lý hệ thống thông tin người nộp thuế để phù hợp và thống nhất định nghĩa về hệ thống thông tin người nộp thuế là “tập hợp thông tin, dữ liệu về người nộp thuế và các thông tin liên quan phục vụ công tác quản lý thuế” theo đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Điều 95 nêu trên.

- **Giải pháp 2:** Nghiên cứu hoàn thiện quy định về trách nhiệm tổ chức, cá nhân trong cung cấp thông tin NNT và bảo mật thông tin về người nộp thuế.

Lý do lựa chọn giải pháp

Nghiên cứu bổ sung quy định trách nhiệm của tổ chức quản lý nền tảng sàn thương mại điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ logistic hỗ trợ cho hoạt động thương mại điện tử có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng hạn cho cơ quan thuế thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch thương mại điện tử, hoặc sử dụng dịch vụ vận chuyển của tổ chức cung cấp dịch vụ logistic.

Nghiên cứu sửa đổi khoản 4 Điều 98 bổ sung nguyên tắc các thông tin, CSDL của các tổ chức, cá nhân cung cấp cho cơ quan thuế thực hiện theo phương thức

điện tử.

Trường hợp cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phát hiện sai, sót cần điều chỉnh đối với thông tin đã trao đổi, cung cấp giữa các cơ quan thì gửi hồ sơ tra soát, điều chỉnh thông tin theo quy định. Nguyên tắc sai sót phát sinh hoặc được phát hiện tại đơn vị nào thì đơn vị đó phải chủ động xác định nguyên nhân sai sót và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc cung cấp thông tin để xử lý sai sót theo quy định. Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết.

- Nghiên cứu bổ sung tại khoản 2 Điều 98 Luật Quản lý thuế quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan (ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá) trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế để phù hợp với nội dung đề xuất bổ sung người nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Điều 2 để đảm bảo căn cứ pháp lý cho việc thu tiền thuế trong các trường hợp đặc biệt khi hàng hoá phải nộp thuế không do chủ hàng quản lý mà do bên thứ ba nắm giữ (Ngân hàng, tổ chức tín dụng, cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá).

Đề xuất bổ sung một khoản tại Điều 98 Luật Quản lý thuế quy định về sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân theo hướng: Khi các loại giấy tờ về lai lịch, nhân dạng, cư trú của công dân mà đã được bãi bỏ bởi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân thì cơ quan thuế có trách nhiệm sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân trên cơ sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Điều 30 Luật Quản lý thuế để giải quyết thủ tục hành chính cho người nộp thuế theo quy định.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Luật Quản lý thuế để phục vụ một số hoạt động tổ tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thì cơ quan thuế cung cấp thông tin người nộp thuế cho các cơ quan được quy định cụ thể. Tuy nhiên, trường hợp cung cấp cho cơ quan thuế nước ngoài hay cơ quan quản lý khác của Nhà nước thì không chỉ phục vụ cho tổ tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán mà còn liên quan đến nghĩa vụ trao đổi thông tin theo Hiệp định thuế giữa cơ quan thuế các nước ký kết hoặc phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước của cơ quan quản lý khác.

Mặt khác, để đáp ứng yêu cầu quản lý thuế, Luật Quản lý thuế đã quy định các cơ quan quản lý khác (như cơ quan Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng nhà nước, Công an...) cung cấp thông tin cho cơ quan thuế và ngược lại các cơ quan này cũng yêu cầu cơ quan thuế cung cấp trở lại một số thông tin người nộp thuế để phục vụ quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực được giao theo quy chế trao đổi thông tin. Trong trường hợp này thì phạm vi cung cấp thông tin người nộp thuế tại Điều 99 Luật Quản lý thuế chưa được quy định cụ thể.

Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 99 Luật Quản lý thuế: Liên quan đến việc cung cấp thông tin người nộp thuế, trong đó có thông tin về hóa đơn điện tử, đề xuất sửa đổi theo hướng quy định rõ căn cứ để cơ quan thuế cung cấp thông tin người nộp thuế cho các cơ quan tổ tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán là các Quyết định tổ tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

- Hiện nay, có trường hợp cơ quan chức năng đề nghị cơ quan thuế cung cấp thông tin người nộp thuế (số liệu báo cáo tài chính kê từ khi thành lập) nhưng không có hoặc không cung cấp cho cơ quan thuế căn cứ để thực hiện hoạt động tổ tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán liên quan đến người nộp thuế này (ví dụ Quyết định tổ tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán). Vì vậy, cần quy định cụ thể căn cứ để cơ quan thuế thực hiện việc cung cấp thông tin người nộp thuế cho các cơ quan chức năng, đảm bảo hành lang pháp lý cho cán bộ thuế thực hiện công tác bảo mật thông tin người nộp thuế.

Đề phù hợp với các cơ quan mà Luật Quản lý thuế đã cho phép cơ quan thuế cung cấp thông tin người nộp thuế, đề nghị bổ sung thêm các hoạt động khác, ngoài hoạt động tổ tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, cụ thể là theo điều ước quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và trao đổi thông tin theo yêu cầu quản lý nhà nước thì cơ quan thuế cung cấp thông tin người nộp thuế cho các cơ quan được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 99 Luật Quản lý thuế.

12. Chính sách 12: Hoàn thiện quy định về kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, làm thủ tục hải quan.

12.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới.

12.2. Nội dung của chính sách

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung về điều kiện cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh làm dịch vụ về thuế (Điều 101, Điều 102, Điều 103)

12.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- **Giải pháp 1:** Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung về điều kiện cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh làm dịch vụ về thuế

Lý do lựa chọn giải pháp

Khoản 1, khoản 2 Điều 102 Luật QLT quy định điều kiện cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế là doanh nghiệp đã được thành lập theo quy định của pháp luật, có ít nhất 02 người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, làm việc toàn thời gian tại doanh nghiệp.

Quy định này cho thấy chưa được chặt chẽ và phù hợp với thực tiễn khi đại lý thuế có cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ.

Thực hiện Nghị quyết số 18/TW, các cơ quan của Chính phủ đang sắp xếp tinh gọn bộ máy theo đó mô hình tổ chức của cơ quan thuế sẽ phải thay đổi trong thời gian tới, đồng thời chưa phù hợp với phương thức điện tử.

13. Chính sách 13: Tăng cường chức năng kiểm tra thuế, thanh tra thuế; Áp dụng cơ chế rủi ro trong quản lý thuế; Quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

13.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Tăng cường chức năng kiểm tra thuế, thanh tra thuế, thống nhất áp dụng cơ chế rủi ro trong quản lý thuế.

- Hoàn thiện quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

- Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan; Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới.

13.2. Nội dung của chính sách

(i) Tăng cường chức năng kiểm tra thuế, thanh tra thuế

- Đề xuất bổ sung quy định về quy trình kiểm tra thuế đối với người nộp thuế là cá nhân, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử (Điều 107)

- Đề xuất Bổ sung nội dung kiểm tra hóa đơn điện tử nhằm làm rõ thêm nội dung cần kiểm tra, là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện Quy trình quản lý hóa đơn điện tử và công tác kiểm tra hóa đơn điện tử; không làm tăng thủ tục hành chính trong công tác quản lý thuế.(Điều 109)

- Sửa đổi quy định về kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan hải quan được thực hiện trước thông quan, trong thông quan, sau thông quan đối với hồ sơ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, các chứng từ, tài liệu có liên quan để cơ quan hải quan xử lý về thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.(Điều 110)

- Đề xuất sửa đổi một số quy định về việc kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế.(Điều 111)

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 1 Điều 112 Luật Quản lý thuế quy định thẩm quyền tạm dừng, tạm hoãn cuộc kiểm tra cho người ra quyết định kiểm tra để phù hợp với đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Quản lý thuế; Nghiên cứu bổ sung tại khoản 1 Điều 112 quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế như: ban hành kết luận kiểm tra; kiến nghị người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật; Nghiên cứu bổ sung một khoản mới tại Điều 112 Luật Quản lý thuế quy định nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra để phù hợp với thực tế công tác kiểm tra.

- Rà soát toàn bộ Chương 8 quy định về kiểm tra, thanh tra thuế để sửa đổi theo hướng bỏ cụm từ “ thanh tra thuế” và kết cấu lại Mục 3 từ Điều 114 - Điều 120 quy định về chức năng thanh tra thuế để quy định về thẩm quyền thanh tra thuế và quy định về trình tự, thủ tục thanh tra thuế làm cơ sở để cơ quan có thẩm

quyền thực hiện các cuộc thanh tra thuế sau sắp xếp tinh gọn bộ máy.

(ii) Hoàn thiện quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

- Đề nghị bổ sung quy định rõ về thời điểm có hiệu lực của APA để cơ quan thuế có căn cứ trong việc giải quyết đề nghị áp dụng APA của NNT.

- Đề xuất sửa đổi quy định về nguyên tắc khai thuế đối với cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế.

13.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- **Giải pháp 1:** Đề xuất bổ sung quy định về quy trình kiểm tra thuế đối với người nộp thuế là cá nhân, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử.

Lý do lựa chọn giải pháp

Trong quản lý kê khai, hoàn thuế TNCN cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công vẫn còn tình trạng xử lý giải quyết hồ sơ dở dang do hồ sơ có vướng mắc và được cơ quan thuế yêu cầu NNT giải trình nhưng NNT không cung cấp tài liệu, giải trình ngay trong thời hạn cho phép của luật QLT nên dẫn đến giải quyết dở dang. Luật QLT 38 vẫn hướng trọng điểm kiểm tra NNT vào tổ chức mà không bao gồm cả cá nhân (vì nếu là kiểm tra cá nhân nhận tiền lương, tiền công thì không phải là kiểm tra địa chỉ trụ sở NNT mà chỉ là kiểm tra địa chỉ nơi ở hoặc nơi làm việc của NNT trong khi những nơi này rất có thể thay đổi theo năm tháng bất kỳ lúc nào nên rất khó triển khai được việc kiểm tra do thông tin địa chỉ kiểm tra không được cập nhật kịp thời với cơ quan thuế). Mặt khác việc kiểm tra cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công là rất khó khăn do ngành thuế cũng chưa có quy trình hướng dẫn cụ thể việc kiểm tra đối với NNT là cá nhân.

Nghiên cứu xóa bỏ các nội dung quy định về thanh tra thuế tại Điều 107, Điều 108 do không còn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

- **Giải pháp 2:** - Đề xuất Bổ sung nội dung kiểm tra hóa đơn điện tử nhằm làm rõ thêm nội dung cần kiểm tra, là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện Quy trình quản lý hóa đơn điện tử và công tác kiểm tra hóa đơn điện tử; không làm tăng thủ tục hành chính trong công tác quản lý thuế. (Điều 109)

Lý do lựa chọn giải pháp

Điều 109 Luật Quản lý thuế quy định việc kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện đối với các hồ sơ thuế và xử lý kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế. Tuy nhiên, chưa có quy định kiểm tra hóa đơn điện tử.

Điều 93 Luật Quản lý thuế đã quy định cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử được sử dụng để phục vụ công tác quản lý thuế và cung cấp thông tin hóa đơn điện tử cho tổ chức, cá nhân có liên quan.

Hiện nay, việc kiểm soát, quản lý rủi ro và khai thác dữ liệu hóa đơn điện tử, kiểm tra hóa đơn điện tử đã được hướng dẫn tại Điều 18 và Điều 19 Mục 4 Quyết định số 1447/QĐ-TCT ngày 05/10/2021 của Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình quản lý hóa đơn điện tử.

Cơ quan thuế áp dụng quản lý rủi ro trong đăng ký thuế, khai thuế, nộp

thuế, nợ thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, hoàn thuế, kiểm tra thuế, thanh tra thuế, quản lý và sử dụng hóa đơn, ... đã được quy định tại Điều 9 Luật Quản lý thuế. Do đó, cần bổ sung kiểm tra hóa đơn điện tử vào Điều 109 Luật Quản lý thuế nhằm làm rõ hơn căn cứ pháp lý trong công tác kiểm tra.

- **Giải pháp 3:** - Sửa đổi quy định về kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan hải quan được thực hiện trước thông quan, trong thông quan, sau thông quan đối với hồ sơ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, các chứng từ, tài liệu có liên quan để cơ quan hải quan xử lý về thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. (Điều 109)

Lý do lựa chọn giải pháp

Quy định hiện hành về việc kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan quản lý thuế chưa bao quát hết các trường hợp kiểm tra thuế của cơ quan hải quan. Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan hải quan được thực hiện trước thông quan, trong thông quan, sau thông quan. Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định về: (i) kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan hải quan và (ii) việc xử lý kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan hải quan để bao quát hết chức năng, nhiệm vụ của cơ quan hải quan, đảm bảo căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện.

- **Giải pháp 4:** - Đề xuất sửa đổi một số quy định về việc kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế. (Điều 110)

Lý do lựa chọn giải pháp

- Để đảm bảo căn cứ pháp lý trong việc thực hiện kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế, đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 110 Luật Quản lý thuế: Bỏ trường hợp “chuyển đổi loại hình doanh nghiệp” cho thống nhất với nội dung đề xuất tại Điều 43, Điều 44, Điều 67 Luật Quản lý thuế vì trường hợp này không phải quyết toán thuế, không phải hoàn thành nghĩa vụ thuế nên không cần thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế; bổ sung trường hợp “phá sản” cho thống nhất với nội dung đề xuất tại Điều 43, Điều 44, Điều 67 Luật Quản lý thuế trường hợp này phải quyết toán thuế, phải hoàn thành nghĩa vụ thuế nên phải thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế. Các trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động mà cơ quan thuế không phải thực hiện quyết toán thuế, không thực hiện kiểm tra thuế sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định của Chính phủ.

Bổ sung quy định về kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế do cơ quan hải quan thực hiện tại một khoản riêng trong Điều 110 Luật Quản lý thuế. Quy định này trên cơ sở kế thừa tại Điều 110 Luật Quản lý thuế, Điều 32 Nghị định 134/2016/NĐ-CP (quy định về kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế đối với hồ sơ giảm thuế); Điều 31a Nghị định số 18/2021/NĐ-CP (quy định về kiểm tra tình hình sử dụng hàng hoá nhập khẩu miễn thuế), Điều 10, Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, khoản 6 Điều 1 Nghị định 18/2021/NĐ-CP, Điều 80 Luật Hải quan (quy định về kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan). Đồng thời, sửa đổi, bổ sung tương ứng các nội dung liên quan theo hướng có sự phân biệt giữa cơ quan thuế và cơ quan hải quan, cụ thể như sau: bổ sung cụm từ “cơ quan quản lý thuế” để áp dụng chung về thời hạn 03 ngày và 10 ngày cho cơ quan hải quan và cơ quan thuế. Bỏ cụm từ “quản lý” để áp dụng riêng cho cơ quan Thuế vì cơ quan hải quan kiểm tra tại trụ sở người

nộp thuế trước khi kiểm tra không thể đủ cơ sở xác định được số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu do người nộp thuế tự xác định là đúng, do đó không thể bãi bỏ quyết định kiểm tra. Trên thực tế, cơ quan hải quan chưa từng phát sinh tình huống này.

Bổ sung thêm 1 điểm tại khoản 1 Điều 110 để tách riêng quy định đối với trường hợp chuyển địa điểm kinh doanh thuộc loại rủi ro về thuế cao theo phân loại quản lý rủi ro trong quản lý thuế và giao Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết khoản này.

Nghiên cứu sửa đổi tăng thời hạn kiểm tra thuế trong trường hợp cơ quan thuế không còn được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành để có thể kiểm tra các nội dung phức tạp thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan thuế (chuyên giá, thuế tối thiểu toàn cầu, hoạt động kinh doanh trên nền tảng số) liên quan đến nhiều doanh nghiệp trong cùng tập đoàn, có trụ sở hoạt động tại nhiều tỉnh, nhiều quốc gia).

Giải pháp 5: Sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế và nhiệm vụ quyền hạn của trưởng đoàn kiểm tra thuế (Điều 112).

Lý do lựa chọn giải pháp

Khoản 1 Điều 112 Luật quản lý thuế chưa quy định nhiệm vụ quyền hạn của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế trong việc: Ban hành quyết định kiểm tra, thành lập Đoàn kiểm tra; Ban hành kết luận kiểm tra; xử lý kết quả kiểm tra; quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 112 Luật quản lý thuế chưa quy định nhiệm vụ quyền hạn của trưởng đoàn kiểm tra thuế.

Để đảm bảo cơ sở pháp lý trong quá trình thực hiện, cần thiết bổ sung quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế và nhiệm vụ quyền hạn của trưởng đoàn kiểm tra thuế.

- **Giải pháp 6:** Nghiên cứu, bổ sung quy định về kiểm tra lại

Lý do lựa chọn giải pháp Nghiên cứu bổ sung thêm 1 Điều quy định về kiểm tra lại để xử lý khi phát sinh các trường hợp có vi phạm như: Có vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục trong quá trình tiến hành kiểm tra, Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật khi kết luận và xử lý vi phạm hành chính về thuế, Nội dung kết luận, xử lý vi phạm về thuế không phù hợp với những chứng cứ thu thập được trong quá trình kiểm tra hoặc có dấu hiệu rủi ro cao theo tiêu chí đánh giá rủi ro qua phân tích đánh giá rủi ro, Người ra quyết định kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ việc hoặc cố ý kết luận, xử lý vi phạm về thuế trái pháp luật, Có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng của đối tượng kiểm tra chưa được phát hiện đầy đủ qua kiểm tra.

- **Giải pháp 7:** Bổ sung quy định Kiểm tra thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật Quản lý thuế mới quy định kiểm tra của cơ quan quản lý thuế với người nộp thuế mà chưa quy định việc kiểm tra thực hiện chính sách thuế và thu khác đối với các cơ quan quản lý thuế và tổ chức liên quan. Do đó, đề xuất nghiên cứu bổ sung thêm một Điều vào sau Điều 112 để bao quát đầy đủ việc kiểm tra thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều ... Việc kiểm tra thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Căn cứ quy định về kiểm tra thuế của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc kiểm tra thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thực hiện pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước.

- ***Giải pháp 8:*** Kết cấu, rà soát lại mục III Chương VIII về Thanh tra thuế để phù hợp với thay đổi của cơ cấu tổ chức.

Lý do lựa chọn giải pháp

+ Nghiên cứu xoá bỏ các nội dung quy định về thanh tra thuế tại các Điều từ Điều 114 đến 120 do không còn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy. Trên cơ sở đó, đề xuất nghiên cứu

Quy định về thanh tra thuế: Nghiên cứu bổ sung thêm 02 Điều quy định mới: 01 Điều quy định về thẩm quyền thanh tra thuế và 01 Điều quy định về trình tự, thủ tục thanh tra thuế làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các cuộc thanh tra thuế sau sắp xếp tinh gọn bộ máy, cụ thể như sau:

Điều Thẩm quyền thanh tra thuế

Thẩm quyền thanh tra thuế thực hiện theo quy định của Luật thanh tra. Trong trường hợp cần thiết Bộ trưởng Bộ Tài chính thành lập đoàn thanh tra hoặc đề nghị Thanh tra Chính phủ tiến hành thanh tra.

Điều Trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra thuế

Trình tự, thủ tục thanh tra thuế thực hiện theo quy định của Luật thanh tra

+ Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành trung ương khoá XII, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, Nghị quyết của Quốc hội, cơ quan thuế là cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành sau sắp xếp không còn chức năng thanh tra, chỉ thực hiện chức năng kiểm tra. Do đó, cần bổ sung quyền hạn, biện pháp nghiệp vụ cho hoạt động kiểm tra thuế để xử lý các hành vi có dấu hiệu trốn thuế (các biện pháp nghiệp vụ quy định tại Điều 121-123 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14). Bổ sung quyền hạn, biện pháp nghiệp vụ cho hoạt động kiểm tra thuế để xử lý các hành vi có dấu hiệu trốn thuế, giúp tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế.

+ Nghiên cứu bổ sung một Chương mới quy định các nội dung về hoạt động điều tra trong lĩnh vực thuế, bao gồm các Điều quy định: ***hoạt động điều tra trong lĩnh vực thuế, cơ quan được giao thực hiện điều tra, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao thực hiện một số hoạt động điều tra, chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của thủ trưởng, phó thủ trưởng, cán bộ điều tra trong cơ quan được giao nhiệm vụ điều tra về thuế, xây dựng lực lượng điều tra thuế.***

(ii) Hoàn thiện quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

- **Giải pháp 1:** Phạm vi áp dụng của cơ chế APA và thời điểm có hiệu lực.

Lý do lựa chọn giải pháp

- Phạm vi áp dụng: Theo thông lệ quốc tế và hiện nay tại Việt Nam thì cơ chế APA chỉ áp dụng đối với thuế TNDN theo nguyên tắc Hiệp định thuế chi điều chỉnh đối với thuế TNDN và doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết để giảm thiểu các tranh chấp về thuế do liên quan quyền đánh thuế của các cơ quan thuế.

Do đó, đề nghị quy định rõ tại Luật để pháp luật hóa và áp dụng thống nhất.

- Về thời điểm có hiệu lực của APA:

Quy định pháp luật hiện hành chưa quy định rõ thời điểm bắt đầu có hiệu lực của APA. Luật không có điều khoản cụ thể quy định về thời điểm bắt đầu có hiệu lực của APA mà chỉ đề cập đến việc APA được xác lập trước khi NNT nộp hồ sơ khai thuế tại điều 3 về giải thích từ ngữ. Quy định này được hiểu là APA được ký kết thì NNT mới được áp dụng để kê khai nộp thuế. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng quy định tại khoản 16 Điều 3 là chưa tường minh. Đề nghị bổ sung quy định rõ về thời điểm có hiệu lực của APA để cơ quan thuế có căn cứ trong việc giải quyết đề nghị áp dụng APA của NNT.

- **Giải pháp 2:** Đề xuất sửa đổi quy định về nguyên tắc khai thuế đối với cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế.

Lý do lựa chọn giải pháp

Hiện nay chưa có quy định thế nào là “cơ sở dữ liệu thương mại có sự kiểm chứng đảm bảo tính pháp lý”, do đó đề phù hợp hơn và đảm bảo khả thi, thống nhất với quy định về quản lý thuế đối với các bên có quan hệ liên kết thì bỏ quy định “có sự kiểm chứng đảm bảo tính pháp lý”.

14. Chính sách 14: Hoàn thiện các quy định về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

14.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan; Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới.

- Tiếp tục đơn giản thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, vừa tăng cường công tác cưỡng chế, vừa tạo điều kiện cho người nộp thuế khắc phục khó khăn, ổn định khôi phục sản xuất kinh doanh, có điều kiện thanh toán dần tiền nợ.

14.2. Nội dung của chính sách

- Sửa đổi, bổ sung quy định về các trường hợp cưỡng chế nợ thuế để đảm bảo căn cứ pháp lý trong việc thực hiện áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.(Điều 124)

- Nghiên cứu sửa đổi quy định về biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế (Điều 125)

- Đề xuất sửa đổi quy định về thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.(Điều 126)

- Nghiên cứu bổ sung quy định liên quan đến quyết định cưỡng chế (Điều 127)

- Hoàn thiện các quy định về các biện pháp cưỡng chế (Điều 129, Điều 130, Điều 132, Điều 133, Điều 134, Điều 135)

14.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- ***Giải pháp 1:*** Sửa đổi, bổ sung quy định về các trường hợp cưỡng chế nợ thuế.

Lý do lựa chọn giải pháp

- Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 124 chưa quy định rõ tiền thuế nợ gồm các loại tiền nào do đó cần quy định rõ tiền thuế nợ” thành “tiền nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp để đảm bảo phù hợp với quy định khoản 17 Điều 3 “Tiền thuế nợ” là tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu mà người nộp thuế chưa nộp ngân sách nhà nước khi hết thời hạn nộp theo quy định”, Điều 57 quy định về thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đảm bảo tránh phát sinh vướng mắc trong thực hiện;

- Thời hạn nộp thuế đối với trường hợp bị ấn định thuế là thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu, vì vậy, khi ấn định thuế có nhiều tờ khai đã quá thời hạn 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế. Do đó cần thiết phải bổ sung quy định trường hợp cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế thì thời hạn cưỡng chế là quá 90 kể từ ngày ban hành quyết định ấn định thuế để xử lý vướng mắc trong thực tế và đảm bảo căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện.

- Khoản 5 quy định được nộp dần tiền thuế nợ trong thời hạn nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày bắt đầu của thời hạn cưỡng chế thuế. Quy định này chưa phù hợp vì thực tế đã có nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh, nợ thuế đã quá hạn cưỡng chế từ rất lâu, đến thời điểm hiện tại muốn quay lại sản xuất kinh doanh nhưng chưa thể có khả năng nộp ngay tiền thuế nợ, quy định hiện tại “không quá 12 tháng kể từ ngày bắt đầu của thời hạn cưỡng chế thuế” khiến cho rất nhiều trường hợp không được chấp nhận nộp dần, đánh mất khả năng thu hồi nợ.

- Hiện nay có rất nhiều trường hợp vi phạm pháp luật về thuế như trốn thuế, chiếm đoạt tiền thuế, vi phạm pháp luật về thuế rồi bỏ trốn khỏi trụ sở kinh doanh; phát hành, sử dụng bất hợp pháp hóa đơn, nghi ngờ có buôn bán hóa đơn, nợ thuế và bỏ trốn khỏi địa chỉ kinh doanh (*cơ quan thuế đã có thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký*) cần phải áp dụng ngay các biện pháp cưỡng chế nợ thuế nhưng chưa được quy định tại Điều 124 Luật Quản lý thuế.

- **Giải pháp 2:** Nghiên cứu sửa đổi quy định về biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế

Lý do lựa chọn giải pháp

Điều 125 Luật QLT quy định về 7 biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bao gồm: Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế; Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập; Dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Ngừng sử dụng hóa đơn; Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên; Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ; Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề.

Về biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế (điểm a khoản 1 Điều 125): Hiện nay tiền của đối tượng bị cưỡng chế ngoài việc có số tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng thì có thể được gửi ở các Công ty chứng khoán nếu tham gia hoạt động đầu tư chứng khoán. Do đó, cần thiết bổ sung các đối tượng này vào đối tượng phải thực hiện trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế để đảm bảo tăng cường hiệu quả của biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

Về việc chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế (khoản 2 Điều 125): Khoản 2 Điều 125 Luật quản lý thuế hiện hành quy định các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế quy định tại khoản 1 Điều này chấm dứt hiệu lực kể từ khi tiền thuế nợ được nộp đủ vào ngân sách nhà nước. Ngoài ra, còn trường hợp doanh nghiệp đã đủ điều kiện xóa nợ, đã được các cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định xóa nợ thì các khoản nợ trên không còn tồn tại nên các biện pháp cưỡng chế không còn tác dụng. Do đó, cần bổ sung trường hợp doanh nghiệp được xóa nợ là trường hợp chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế.

- **Giải pháp 3:** Đề xuất sửa đổi quy định về thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

Lý do lựa chọn giải pháp

Đề xuất bổ sung mở rộng việc giao quyền cho cấp phó tại khoản 3 Điều 126 Luật Quản lý thuế theo hướng người có thẩm quyền cưỡng chế có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác. Quy định bổ sung này sẽ tạo điều kiện cho cơ quan thuế cấp dưới chủ động công việc, dễ dàng trong việc xác định thẩm quyền cưỡng chế, thống nhất giữa thẩm quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thẩm quyền cưỡng chế thi hành các quyết định hành chính khác.

- Luật quản lý thuế hiện hành chưa quy định về việc sửa đổi, bổ sung, huỷ

quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế. Thực tế phát sinh trường hợp cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định cưỡng chế nhằm lẫn hoặc bị doanh nghiệp khiếu nại hoặc do sai sót của cơ quan quản lý thuế. Do đó, cần bổ sung quy định về việc sửa đổi, bổ sung, huỷ quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế để đảm bảo căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện.

- **Giải pháp 4:** Nghiên cứu bổ sung quy định liên quan đến quyết định cưỡng chế.

Lý do lựa chọn giải pháp

Hiện nay, các quyết định cưỡng chế/phong tỏa tài khoản của người nộp thuế được cơ quan thuế gửi đến các ngân hàng thương mại...qua đường bưu chính nên chưa đảm bảo nhận ngay trong ngày ban hành quyết định; có một số trường hợp người nộp thuế khi nhận được thông tin về việc bị cưỡng chế tài khoản sẽ thực hiện rút các khoản tiền (nếu có) tại ngân hàng hoặc nhanh chóng mở thêm tài khoản ngân hàng khác để giao dịch, khiến cho biện pháp cưỡng chế tài khoản không đạt được hiệu quả cao.

Nghiên cứu bổ sung quy định liên quan đến việc trao đổi thông tin cưỡng chế bằng phương thức điện tử giữa cơ quan thuế với các ngân hàng thương mại để phục vụ cho công tác tự động hóa công tác cưỡng chế và sửa đổi về ngày bắt đầu hiệu lực của QĐCC để phù hợp với thực tế thực hiện, đảm bảo ban hành QĐCC kịp thời khi NNT đến hạn phải cưỡng chế.

- **Giải pháp 5:** Hoàn thiện các quy định về các biện pháp cưỡng chế

Lý do lựa chọn giải pháp

+ Điều 129 Luật quản lý thuế quy định biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản áp dụng đối với đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế có tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác. Thực tế phát sinh vướng mắc như sau:

Hiện nay tiền của đối tượng bị cưỡng chế ngoài việc có số tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng thì có thể được gửi ở các Công ty chứng khoán nếu tham gia hoạt động đầu tư chứng khoán. Do đó, cần thiết bổ sung các đối tượng này vào đối tượng phải thực hiện trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế để đảm bảo tăng cường hiệu quả của biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

Khi xác nhận thông tin số dư tài khoản tại ngân hàng, chi cục Hải quan tiếp tục làm quyết định trích tài khoản thì tiền đã được chuyển đi, chưa kịp thời phong tỏa tài khoản. Để tránh trường hợp đang trong giai đoạn xác minh tài khoản đối tượng bị cưỡng chế đã nhanh chóng rút tiền ra khỏi tài khoản cần thiết phải bổ sung quy định về phong tỏa tài khoản theo hướng ngay sau khi nhận được văn bản đề nghị xác minh tài khoản của cơ quan quản lý thuế, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm phong tỏa ngay tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

+) Nghiên cứu sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 130 cụm từ “*tài khoản ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước*” thành “*tài khoản nộp ngân sách nhà nước mở tại Kho bạc Nhà nước*”.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 132 theo hướng: Khi thực hiện biện pháp cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn, cơ quan quản lý thuế phải công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế trong thời hạn 24 giờ do thực tế việc áp dụng biện pháp này được thực hiện thường xuyên, liên tục. Số lượng thực hiện lớn, do đó khó thực hiện đăng tải lên phương tiện thông tin đại chúng (tốn kém chi phí và nguồn nhân lực) nên chỉ cần đăng trên cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 133 theo hướng: *Giá trị tài sản bị kê biên của đối tượng bị cưỡng chế tương đương với số tiền thuế nợ đã ghi trong quyết định cưỡng chế và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế để đảm bảo giá trị tài sản bị kê biên tương đương với số tiền thuế nợ cụ thể là bao hàm tất cả các khoản tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp của NNT ghi trên QĐCC.*

Nghiên cứu bổ sung Điều 134 quy định về chế tài xử phạt đối với bên thứ 3 nếu không cung cấp thông tin hoặc cung cấp không đầy đủ cho cơ quan Thuế.

Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 theo hướng: Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang có khoản nợ hoặc nắm giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế không thực hiện nộp thay số tiền thuế bị cưỡng chế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Chương XV của Luật này để thống nhất với khoản 3c Điều 130 (đối với biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập) và phù hợp với thực tế thực hiện vì trên thực tế cơ quan thuế không thể chuyển nợ cho bên thứ 3 để áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với bên thứ 3.

Nghiên cứu bổ sung thêm các loại giấy tờ sau tại tên Điều 135, khoản 1 Điều 135 Luật Quản lý thuế: giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để bao quát các loại giấy phép kinh doanh của NNT.

15. Chính sách 15: Sửa đổi quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế để đảm bảo đồng bộ với pháp luật mới ban hành có liên quan.

15.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Hoàn thiện quy định để đảm bảo công bằng, bình đẳng, minh bạch, thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật (đồng bộ với pháp luật liên quan);

- Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới.

15.2. Nội dung của chính sách

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế nhằm đảm bảo, thống nhất nguyên tắc xử phạt theo Luật Xử lý vi phạm hành chính. (Điều 136)

- Đảm bảo thống nhất quy định về miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế với quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính. (Điều 140)

- Đề nghị bổ sung thêm trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế (Điều 142)

- Đề xuất bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết các Điều 142 và Điều 143 để quy định chi tiết cụ thể từng hành vi và có thể kịp thời bao quát hết các trường hợp phát sinh. Mặt khác, việc giao Chính phủ quy định chi tiết này cũng phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính (Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính có giao Chính phủ quy định hành vi vi phạm trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước. Bổ sung quy định về trường hợp không bị xử phạt về hành vi trốn thuế đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công, thuộc diện phải quyết toán thuế.

15.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- **Giải pháp 1:** Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế nhằm đảm bảo, thống nhất nguyên tắc xử phạt theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Lý do lựa chọn giải pháp

Khoản 2 Điều 136 Luật Quản lý thuế có quy định vi phạm hành chính về sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn hoặc sử dụng hóa đơn không đúng quy định dẫn đến thiếu thuế, trốn thuế thì không xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn mà bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế. Trên thực tế, quy định về vi phạm hành chính về sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn đã bao hàm đủ các hành vi sử dụng hóa đơn không đúng quy định nên quy định “*sử dụng hóa đơn không đúng quy định*” là không cần thiết và trùng lặp.

Điều 142 Luật Quản lý thuế quy định hành vi không xuất (lập) hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ là hành vi trốn thuế. Hành vi không lập hóa đơn theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP thì người nộp thuế vừa bị xử phạt về hành vi trốn thuế và vừa bị xử phạt về hành vi về sử dụng hóa đơn. Tương tự như vậy, đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm mà dẫn đến thiếu nghĩa vụ thuế của kỳ phát sinh thuế thì người nộp thuế vừa bị xử phạt về hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm và hành vi khai sai dẫn đến thiếu nghĩa vụ thuế. Các quy định này là chưa hợp lý vì cùng một hành vi nhưng dẫn đến hậu quả khác.

- **Giải pháp 2:** Đảm bảo thống nhất quy định về miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế với quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Lý do lựa chọn giải pháp

Điều 140 Luật Quản lý thuế quy định miễn tiền phạt cho người nộp thuế bị phạt tiền mà bị thiệt hại trong trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 27

Điều 3 của Luật này. Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính đã có quy định cả trường hợp tổ chức, cá nhân được hoãn thi hành quyết định phạt tiền, giảm tiền phạt vi phạm hành chính. Về trường hợp được miễn, giảm tiền phạt thì Luật số 67/2020/QH14 chỉ có quy định *tổ chức, cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn* mà không gắn với việc bị thiệt hại về tài sản, hàng hóa. Trong khi Luật Quản lý thuế quy định các trường hợp được miễn tiền phạt, bao gồm: *Người nộp thuế bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ; và các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ (chiến tranh, đình công...)* và phải gắn với thiệt hại về tài sản, hàng hóa thì mới được miễn tiền phạt và có khống chế mức tiền phạt được miễn không quá giá trị bị thiệt hại. Theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, mức xử phạt trong lĩnh vực thuế thực hiện theo Luật Quản lý thuế mà thường mức phạt tiền có giá trị lớn như phạt về khai sai, trốn thuế... Nếu không có khống chế số tiền phạt được miễn, giảm và định lượng về mức độ khó khăn thì cơ quan thuế sẽ khó áp dụng việc thực hiện miễn, giảm tiền phạt.

- **Giải pháp 3:** Đề nghị bổ sung thêm trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế

Lý do lựa chọn giải pháp Khoản 2 Điều 141 Luật Quản lý thuế quy định các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế, bao gồm: *Người nộp thuế được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế; Cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân chậm nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn và Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán.* Hiện nay hầu hết các doanh nghiệp đã thực hiện kê khai, nộp hồ sơ khai thuế... bằng phương thức điện tử. Hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan thuế đã được duy trì đảm bảo thông suốt 24/7 đáp ứng yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính thuế của người nộp thuế bất kỳ thời điểm nào. Tuy nhiên, trong thực tiễn có những sự cố bất khả kháng về kỹ thuật làm ảnh hưởng đến việc thực hiện thủ tục hành chính của người nộp thuế.

- **Giải pháp 4:** Đề xuất sửa đổi, bổ sung các Điều 142, Điều 143 để kịp thời bao quát hết các trường hợp phát sinh trong đó bổ sung quy định tại Điều 143 về hành vi không khai báo tài khoản thanh toán và sử dụng không đúng tài khoản đã khai báo với cơ quan thuế khi thanh toán của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Lý do lựa chọn giải pháp

Điều 142 Luật Quản lý thuế quy định hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu và Điều 143 Luật Quản lý thuế quy định hành vi trốn thuế. Tuy nhiên, đây là những hành vi mang tính chất tổng hợp, có tính chất nguyên tắc chung. Pháp luật thuế, hóa đơn với nhiều sắc thuế và thường thay đổi nhanh để đáp ứng yêu cầu điều tiết kinh tế vĩ mô, tài chính ngân sách, gắn với đó là sự thay đổi về trách nhiệm, nghĩa vụ của người nộp thuế hoặc biện pháp quản lý thu nên có thể nảy sinh những hành vi khai sai, trốn thuế mới.

Thuế thu nhập cá nhân là loại thuế khấu trừ tại nguồn, theo đó tổ chức trả thu nhập sẽ khấu trừ thuế của cá nhân theo quy định khi trả thu nhập và nộp thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ vào ngân sách nhà nước. Cá nhân người lao động có trách nhiệm quyết toán với cơ quan thuế khi hết năm dương lịch. Sau quyết toán, phát sinh chênh lệch giữa số tiền thuế phải nộp trong năm tính thuế cao hơn số thuế đã nộp/đã khấu trừ trong năm tính thuế thì cá nhân hồ sơ khai quyết toán thuế và nộp thêm tiền thuế theo quy định. Trường hợp, sau quyết toán, phát sinh chênh lệch giữa số tiền thuế phải nộp trong năm tính thuế thấp hơn số thuế đã nộp/đã khấu trừ trong năm tính thuế thì cá nhân hồ sơ khai quyết toán thuế đề nghị hoàn thuế. Như vậy, về cơ bản cá nhân đã bị khấu trừ thuế để nộp vào ngân sách nhà nước thông qua tổ chức trả thu nhập thì cũng coi như người cá nhân đó đã nộp thuế, hành vi trốn thuế của cá nhân cũng được giảm thiểu.

Hiện nay, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thường sử dụng các tài khoản thanh toán khác nhau trong đó không khai báo tài khoản nhận thanh toán từ người mua hàng để trốn sự quản lý của cơ quan thuế do vậy, cần bổ sung quy định để tăng cường quản lý thuế, chống thất thu thuế.

16. Chính sách 16

Sửa đổi quy định về khiếu nại, tố cáo, khởi kiện để phù hợp, thống nhất với Luật khiếu nại, đảm bảo quyền khiếu nại của người nộp thuế.

1.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo phù hợp do thay đổi sắp xếp tổ chức bộ máy (*Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 6/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ*). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cơ quan quản lý thuế đã được sắp xếp tổ chức lại theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế.

- Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan;
- Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới.

16.2. Nội dung của chính sách

- Đề xuất bổ sung nội dung quy định chi tiết tham vấn trong giải quyết khiếu nại để đảm bảo căn cứ pháp lý thực hiện (Điều 149).

16.3. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- **Giải pháp 1:** Đề xuất bổ sung nội dung quy định chi tiết tham vấn trong giải quyết khiếu nại để đảm bảo căn cứ pháp lý thực hiện.

Lý do lựa chọn giải pháp

Điều 149 Luật Quản lý thuế quy định trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết khiếu nại về thuế, trong đó tại khoản 3 quy định: *“Đối với vụ việc khiếu nại phức tạp, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế là người giải quyết khiếu nại thực hiện tham vấn các cơ quan, tổ chức có liên quan, bao gồm cả khiếu nại lần đầu. Khi thực hiện việc tham vấn, thủ trưởng cơ quan quản*

lý thuế phải ban hành quyết định thành lập Hội đồng tham vấn. Hội đồng tham vấn hoạt động theo nguyên tắc biểu quyết theo đa số. Kết quả biểu quyết là cơ sở để Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế tham khảo khi ra quyết định xử lý khiếu nại. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế là người ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định xử lý khiếu nại.”

Luật Khiếu nại chưa đề cập đến phạm trù “*Tham vấn*”, chỉ đề cập đến “*Hội đồng tư vấn*” với vai trò chức năng tương tự với Hội đồng tham vấn được quy định tại Điều 149 Luật Quản lý Thuế.

Tuy nhiên, có sự khác nhau giữa Hội đồng tham vấn quy định tại Luật Quản lý thuế và Hội đồng tư vấn quy định tại Luật Khiếu nại như sau:

+ Hội đồng tham vấn (quy định tại Điều 149 Luật Quản lý thuế): Bao gồm cả khiếu nại lần đầu; Hội đồng tham vấn hoạt động theo nguyên tắc biểu quyết theo đa số.

+ Hội đồng tư vấn (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 36, Điều 43 Luật Khiếu nại): Chỉ có trong giải quyết khiếu nại lần hai; Tham khảo ý kiến của Hội đồng tư vấn.

17. Chính sách 17. Các quy định về điều khoản thi hành

17.1. Nội dung của chính sách

- Hoàn thiện quy định về hiệu lực thi hành (Điều 151)
- Quy định cụ thể về điều khoản chuyển tiếp (Điều 152)

17.2. Các giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

- ***Giải pháp 1:*** Hoàn thiện quy định về hiệu lực thi hành

Lý do lựa chọn giải pháp

Để chuẩn bị các điều kiện cần thiết tiến tới áp dụng điều tra thuế, cơ quan thuế cần có lộ trình thực hiện (xây dựng lực lượng, hoàn thiện tổ chức bộ máy, kiến nghị sửa các Luật có liên quan...).

- ***Giải pháp 2:*** Quy định cụ thể về điều khoản chuyển tiếp

Lý do lựa chọn giải pháp

- Điều 83 Luật QLT quy định các trường hợp được khoan tiền thuế nợ; Điều 85 Luật Quản lý thuế quy định trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt.

- Khoản 3 Điều 85 Luật QLT số 38/2019/QH14 quy định một trong các trường hợp thuộc đối tượng xóa nợ như sau: “*Các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của người nộp thuế không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà cơ quan quản lý thuế đã áp dụng biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm g khoản 1 Điều 125 của Luật này và các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt này đã quá 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế nhưng không có khả năng thu hồi.*”

- Điểm g khoản 1 Điều 125 Luật QLT số 38/2019/QH14 quy định biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế như sau: “*Thu hồi giấy*

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề.”

- Điều 152 Luật QLT số 38/2019/QH14 quy định chuyển tiếp như sau:

“1. Đối với các khoản thuế được miễn, giảm, không thu, xóa nợ phát sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2020 thì tiếp tục xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2012/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và Luật số 106/2016/QH13.

2. Đối với các khoản tiền thuế nợ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 thì được xử lý theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.”

- Vương mắc trong quá trình thực hiện: Đối với các trường hợp doanh nghiệp nợ thuế quá hạn quá 10 năm phát sinh trước ngày 01/7/2020 (trước khi Luật QLT số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 có hiệu lực), các doanh nghiệp đã ngừng hoạt động, không kinh doanh tại địa chỉ đăng ký, đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép đầu tư thành lập liên doanh của cấp cơ quan có thẩm quyền; không còn khả năng hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với NSNN. Căn cứ Luật QLT hiện hành thì các trường hợp này đủ điều kiện xóa nợ. Tuy nhiên, hiện tại các doanh nghiệp trên không đủ điều kiện để xóa nợ, do quy định tại Điều 152 thì các trường hợp trên phải thực hiện theo Luật QLT số 78/2006/QH11, Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định đối với các khoản tiền thuế nợ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 thì được xử lý theo quy định của Luật này bao gồm cả trường hợp phát sinh trước ngày (ngày Luật có hiệu lực) thì được xử lý theo quy định của Luật này.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 152 Luật Quản lý thuế theo hướng đối với các khoản tiền thuế nợ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 thì được xử lý theo quy định của Luật này. Đối với các trường hợp **được khoan tiền thuế nợ** quy định tại Điều 83; **được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quy định tại** khoản 1, 2, 3, 4 Điều 85 Luật này phát sinh trước ngày (ngày Luật có hiệu lực) thì được xử lý theo quy định của Luật này để bao quát các trường hợp chưa được xử lý khoan nợ xóa nợ theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Nghị quyết số 94.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật như sau

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để Chi cục Thuế Khu vực, Đội Thuế Khu vực liên huyện tổ chức triển khai thực hiện Luật.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, QUỐC HỘI

Bộ Tài chính trình Chính phủ dự kiến tiến độ của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) như sau:

- Chính phủ lập đề nghị xây dựng dự án Luật Quản lý thuế (thay thế), trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội thông qua đề nghị bổ sung dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2025 tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV (tháng 5/2025).

- Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi) tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV (tháng 10/2025); thông qua vào tháng 5/2026. Sau khi Luật Quản lý thuế sửa đổi, bổ sung được ban hành sẽ đồng thời xây dựng Nghị định và Thông tư quy định chi tiết Luật Quản lý thuế (thay thế).

Trên đây là nội dung đề nghị xây dựng dự án Luật Quản lý thuế (thay thế). Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Trình kèm: Đề cương dự thảo Luật Quản lý thuế (thay thế); Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; Bản tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia góp ý của các Bộ, ngành,

địa phương, tổ chức, cá nhân).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Phó TTgCP;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCT.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thắng